

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRƯƠNG HUỲNH ANH

**BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ
SƠ THẨM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Chuyên ngành : Luật hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. VÕ THỊ KIM OANH**

HÀ NỘI - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM	8
1.1. Những vấn đề lý luận chung về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.....	8
1.2. Quy định pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.....	20
1.3. Quy định về biện pháp tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam.....	34
Kết luận chương 1.	39
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP	40
2.1. Khái quát tình hình áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp	40
2.2. Những vướng mắc việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp.....	43
2.3. Các vi phạm của việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp.....	48
2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc và vi phạm trong việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm	54
Kết luận chương 2.	59
Chương 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM	61
3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm	61
3.2. Các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.....	71
Kết luận chương 3.	77
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BPNC	Biện pháp ngăn chặn
BPTG	Biện pháp tạm giam
BLHS	Bộ luật hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
HĐXX	Hội đồng xét xử
THTT	Tiến hành tố tụng
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để giải quyết vụ án hình sự thì trong mỗi giai đoạn tố tụng, pháp luật đều quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cho các Cơ quan THTT và người THTT tương ứng với chức năng, vai trò ở từng giai đoạn tố tụng cụ thể. Trong giai đoạn xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm nói riêng thì Tòa án và các chức danh tư pháp trong Tòa án cũng được pháp luật hình sự quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm để thực hiện chức năng, vai trò của mình trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Có nhiều nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được quy định, trong đó có áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các BPNC nói chung và BPTG nói riêng, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Trong các BPNC được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015, tạm giam là biện pháp có tính nghiêm khắc nhất và cũng thường được áp dụng nhất. Biện pháp này ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, nhưng biện pháp này cũng có một tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải quyết vụ án hình sự và trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Việc áp dụng BPNC này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan THTT nói chung và Tòa án nói riêng trong việc giải quyết các vụ án hình sự một cách nhanh chóng, đúng pháp luật và tiết kiệm, đồng thời ngăn chặn bị can, bị cáo bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc tìm cách xóa dấu vết phạm tội, chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. BPTG cũng góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, củng cố tăng cường pháp chế XHCN, thể hiện sự kiên quyết của nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo cho trật tự xã hội được ổn định, pháp luật được giữ vững. Tạm giam là một trong những biện pháp hữu hiệu bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo sự chính xác, khách quan của hoạt động tố tụng, đảm bảo cho việc thi hành đúng pháp luật và hiệu lực của bản án đã được tuyên, vì đây là biện pháp bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của Cơ quan THTT nói chung và Tòa án nói riêng.

Theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, tạm giam là BPNC do CQĐT, VKS hoặc Tòa án có thể áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ trong từng trường hợp và từng

giai đoạn tố tụng. Vậy việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp này được pháp luật trao quyền cho các cơ quan trên trong đó có cả Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG tại Tòa án trong giai đoạn xét xử nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng trên thực tế cơ bản đã đạt được mục đích của các BPNC nói chung và BPTG nói riêng này, nhưng bên cạnh đó việc vận dụng biện pháp này thực tế trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc cần phải tháo gỡ như: Căn cứ, đối tượng bị áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục, thời hạn, trách nhiệm các bên liên quan, hậu quả pháp lý khi vận dụng BPTG.... Đây cũng là một trong những vấn đề cần được quan tâm xem xét nghiên cứu và pháp luật TTHS phải giải quyết để phù hợp với chính sách hình sự, phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay của nước ta, phù hợp với tinh thần Hiến Pháp năm 2013 và các Điều ước quốc tế mà nước ta đã gia nhập.

Là một tỉnh có đường biên giới với nước Cam-pu-chia, diện tích là khoảng 3.378 km², được phân chia địa giới hành chính thành 12 huyện, thị, thành. Song song với sự phát triển về nhiều mặt của xã hội, thì tình hình tội phạm của tỉnh cũng diễn biến ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng, số vụ án hình sự được thụ lý giải quyết sơ thẩm tại Tòa án trong tỉnh nhiều. Vì vậy, cùng theo đó BPTG cũng được Tòa án cấp sơ thẩm thường xuyên vận dụng khi giải quyết các vụ án hình sự. Vậy, việc nghiên cứu đề tài “Biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)” một cách toàn diện, khoa học và có hệ thống là cần thiết và có nhiều ý nghĩa trong việc nhận thức và áp dụng đúng đắn tinh thần của các quy định của pháp luật TTHS về BPTG trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, phù hợp với chiến lược, chính sách hình sự đã đề ra và đề tài cũng làm nguồn tài liệu tham khảo cho việc xây dựng hoàn thiện pháp luật TTHS về BPTG.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Do việc vận dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm không chỉ có ý nghĩa về mặt TTHS mà còn có vai trò lớn trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và cũng là biện pháp ảnh hưởng lớn đến quyền con người và quyền công dân nên đã

có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ, khía cạnh, phương diện khác nhau như: Các BPNC trong TTHS Việt Nam của tác giả Nguyễn Văn Điệp, Học viện Tư pháp, 1996; Tạm giữ, tạm giam trong TTHS Việt Nam, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp, của Phạm Thanh Bình, Tòa án nhân dân tối cao, 1996; Bắt, tạm giữ, tạm giam trong luật TTHS Việt Nam, của Lê Đông Phong, 2003; Các BPNC bắt, tạm giữ, tạm giam trong TTHS Việt Nam, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp của Nguyễn Văn Điệp, Học viện Tư pháp, 2005; Hoàn thiện các BPNC trong Bộ luật TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, của Viện khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2008; Căn cứ áp dụng BPNC trong TTHS Việt Nam, của Lê Thanh Bình, 2010; Thời hạn của các BPNC trong TTHS Việt Nam, của Tô Thị Thu Trang, 2014. Bên cạnh đó, về giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình của các tác giả sau: Giáo trình luật TTHS của các trường Đại học; Các BPNC và vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng, của TS. Nguyễn Văn Nguyên, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 1995; Những BPNC trong Luật TTHS Việt Nam, của Nguyễn Mai Bộ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1997; Các BPNC trong TTHS – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, của Nguyễn Duy Thuần, Nhà xuất bản CAND, 1999; Thời hạn tạm giam trong Bộ luật TTHS năm 2003, của Nguyễn Mai Bộ, Tạp chí luật học, 2008; Việc áp dụng các BPNC theo quy định Bộ luật TTHS 2003, của Nguyễn Đức Thuận, Tạp chí luật học, 2008; Chế định các BPNC theo luật TTHS Việt Nam của Nguyễn Trọng Phúc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2015...

Trên cơ sở kết quả khảo sát trên đây cho thấy, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu cơ bản về BPTG, căn cứ, hậu quả pháp lý, các mặt tích cực và tiêu cực khi vận dụng BPTG, còn đối với riêng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nhìn một cách tổng quan có thể khẳng định chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu. Ngoài ra, trong bối cảnh của nước ta hiện nay thực hiện công cuộc cải cách tư pháp theo tinh thần Hiến pháp 2013 quy định tại khoản 2, Điều 20 “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ

Chính trị về "Một số nhiệm vụ trong tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" nêu rõ: "Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ đảm bảo đúng pháp luật... phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ"; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020" và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" trong đó phương hướng có nêu: "Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người" với nhiệm vụ đặt ra là "Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng BPTG đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các BPTG ", chính vì vậy vấn đề hoàn thiện pháp luật TTHS về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm càng trở nên cần thiết.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây lại một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài "Biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)" là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu:

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm dưới khía cạnh pháp luật TTHS và phân tích thực trạng vận dụng chúng trong thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp, từ đó luận văn tìm ra những vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân của chúng và đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong pháp luật TTHS Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao nhận thức và hiệu quả đối với các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong thực tiễn áp dụng.

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau: Trên cơ sở kết quả tổng hợp các quan điểm của các nhà khoa học về các chức năng,

các giai đoạn trong TTHS, về BPTG, về quyền con người và về chiến lược cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta, luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên tắc của BPTG và tìm hiểu các quy định của pháp luật thực định về áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hiện hành, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá; Khái quát pháp luật TTHS về BPTG một số nước trên thế giới để rút ra những nhận xét, đánh giá; Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn vận dụng các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Từ đó đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, cũng như những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong thực tiễn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

Lấy quan điểm khoa học pháp lý hình sự, TTHS, quy định của pháp luật TTHS cùng với tình hình thực tiễn việc vận dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để thực hiện việc nghiên cứu nội dung của luận văn.

- Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật TTHS Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu đánh giá phân tích tình hình vận dụng các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong thực tiễn xét xử sơ thẩm của Tòa án trên tỉnh Đồng Tháp. Các số liệu thống kê thực tế được thu thập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm năm trở lại đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận:

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp

quyền XHCN, về chính sách hình sự, chính sách TTHS, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự, TTHS như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thống kê, tranh thủ ý kiến chuyên gia v.v... để hoàn thành đề tài. Nhằm có được hiệu quả tốt nhất cho việc nghiên cứu, tác giả cũng đã thống kê việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong thời gian năm năm vừa qua.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Về mặt lý luận:

Kết quả nghiên cứu của luận văn này góp phần hoàn thiện về mặt lý luận về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong khoa học pháp luật TTHS Việt Nam; từ đó giúp ta nhận thức được đúng đắn và thống nhất về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Thấy được những mặt đạt được và chưa đạt được, những mâu thuẫn, bất cập và nguyên nhân việc vận dụng quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vào thực tiễn, cũng như tìm được những giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu quả việc vận dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

- Về mặt thực tiễn:

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu khoa học. Những đề xuất, kiến nghị để đảm bảo việc áp dụng BPTG đúng quy định của luận văn có thể làm luận chứng khoa học phục vụ tốt hơn cho công tác lập pháp và áp dụng Bộ luật TTHS liên quan đến BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nước ta hiện nay. Đề tài nghiên cứu có thể sử dụng cho các Cơ quan THTT, đặc biệt là Tòa án trong quá trình thực hiện các hoạt động tố tụng có liên quan đến BPTG; Dùng làm tài liệu trong quá trình nghiên cứu pháp luật về các vấn đề có liên quan.

7. Cơ cấu của luận văn

Bên cạnh lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương như sau:

- Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý về việc biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.
- Chương 2. Áp dụng quy định của pháp luật về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Đồng Tháp.
- Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM

1.1. Những vấn đề lý luận chung về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

BPNC trong TTHS là một trong những chế định pháp lý tố tụng quan trọng được quy định tại Chương VII của Bộ luật TTHS năm 2015 và một số điều ở các chương khác. Những BPNC này bao gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để đảm bảo, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Việc tìm hiểu những quy định của pháp luật về BPNC nói chung và BPTG nói riêng là việc làm cần thiết đối với cơ quan và người THTT, cũng cần thiết đối với mọi người dân. Bởi lẽ, đây là biện pháp mà khi áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người, của công dân như quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do đi lại... Do vậy, việc nắm vững các quy định về căn cứ, thẩm quyền, đối tượng, thủ tục, thời hạn... áp dụng BPTG không những nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội phạm mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân. Trong Bộ luật TTHS năm 2015 chưa có ghi nhận cụ thể về khái niệm BPTG. Hiện nay trong khoa học pháp lý còn nhiều cách diễn đạt về khái niệm BPNC nói chung và BPTG nói riêng.

Tác giả Trịnh Văn Thanh cho rằng: “BPNC là biện pháp cưỡng chế TTHS do những người có thẩm quyền trong các cơ quan TTHT và các cơ quan được quyền tiến hành một số hoạt động điều tra theo luật định áp dụng đối với bị can, bị cáo, trong trường hợp đặc biệt có thể áp dụng đối với người chưa bị khởi tố về hình sự nhằm ngăn chặn tội phạm, đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hoặc không cho họ tiếp tục gây nguy hại cho xã hội”[27, tr. 21].

Tác giả Nguyễn Trọng Phúc cho rằng “BPNC là biện pháp hạn chế quyền tự do cá nhân do người có thẩm quyền hạn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự áp

dụng đối với bị can, bị cáo, người liên quan đến việc thực hiện tội phạm chưa bị khởi tố, khi có căn cứ áp dụng nhằm ngăn chặn tội phạm, bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự đạt hiệu quả cao”[18, tr. 41-42].

Theo giáo trình Luật TTHS của Đại học Luật Hà Nội: “BPNC là biện pháp cưỡng chế trong TTHS được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị truy nã hoặc đối với những người chưa bị khởi tố (trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự”[32, tr. 195].

Tạm giam là một trong những BPNC được quy định trong Bộ luật TTHS, là BPNC nghiêm khắc nhất trong TTHS vì người bị áp dụng BPTG sẽ bị cách li với xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, bị hạn chế một số quyền công dân tác động trực tiếp đến quyền tự do thân thể, đi lại của công dân được Nhà nước thừa nhận. Biện pháp này pháp luật đã quy định trao thẩm quyền cho CQĐT, VKS và Tòa án. Trong đó Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Quá trình giải quyết vụ án hình sự tại Tòa án ta gọi chung là giai đoạn xét xử. Trong giai đoạn xét xử thực hiện chế độ xét xử hai cấp là sơ thẩm và phúc thẩm, các quyết định, bản án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm chưa có hiệu lực thi hành ngay mà có thể bị kháng cáo, kháng nghị để giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình thì pháp luật đã trao quyền cho Tòa án có quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG đối với các đối tượng cần áp dụng. Nhưng khái niệm về BPTG nói chung và BPTG trong giai đoạn xét xử chưa được pháp luật ghi nhận một cách cụ thể và có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm BPTG.

Theo Giáo trình Luật TTHS của Trường Đại học Luật Hà Nội: “Tạm giam là BPNC trong TTHS do CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hay bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Tạm giam là một trong những BPNC

có tính chất nghiêm khắc nhất trong các BPNC của TTHS. Người bị áp dụng BPTG bị cách li với xã hội trong một thời gian nhất định, bị hạn chế một số quyền của công dân”[32, tr. 222-223].

Theo Từ điển Tiếng Việt phổ thông của Viện ngôn ngữ học thì “tạm” là chỉ trong một thời gian nào đó, khi có điều kiện thì sẽ có thay đổi, mang tính tạm thời[35, tr. 814]; “giam” tức là giữ người bị coi là có tội ở một nơi nhất định không cho tự do đi lại, tự do hoạt động, bị nhốt.

Tác giả Nguyễn Mai Bộ cho rằng: “Tạm giam là BPNC trong tổ TTHS mà theo đó CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng trong những trường hợp nhất định có thể tước tự do đối với bị can, bị cáo nhằm ngăn chặn tội phạm hoặc đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử. Tạm giam là biện pháp nghiêm khắc nhất trong số các BPNC, là biện pháp tước tự do có thời hạn do CQĐT, VKS hoặc Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo trong trường hợp do luật định”[6, tr. 92]. “Tạm giam là một trong những BPNC cho CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng trước khi bản án có hiệu lực pháp luật”[5, tr. 11].

Tác giả không thống nhất với quan điểm này vì tạm giam chỉ hạn chế một số quyền tự do đi lại, cư trú, tự do gặp gỡ... đối với bị can, bị cáo chứ không phải là một biện pháp nhằm tước đi quyền tự do của họ.

Theo Từ điển giải thích luật học: “Tạm giam là biện pháp các ly bị can, bị cáo với xã hội trong thời gian nhất định nhằm ngăn chặn hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội của bị can, bị cáo, đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thuận lợi”[33, tr. 224].

Tác giả Trần Quang Tiệp cho rằng: “Tạm giam là BPNC trong TTHS do người có thẩm quyền của CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng hạn chế tự do cá nhân với mức độ nghiêm khắc nhất trong thời hạn tương đối dài đối với bị can, bị cáo nhằm ngăn chặn tội phạm, đảm bảo cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được tiến hành thuận lợi”[31].

Vậy có rất nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm BPTG nói chung và cũng chưa có quan điểm nào về khái niệm áp dụng BPTG trong giai đoạn tố tụng cụ thể, trong đó có giai đoạn xét xử sơ thẩm. Từ những khái niệm như đã phân tích trên theo

tác giả thì BPTG là một trong những BPNC trong TTHS do CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người bị kết án trong những trường hợp do luật định nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Về khái niệm BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là một trong những BPNC trong TTHS do Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị kết án trong những trường hợp cụ thể do luật định nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc xét xử, thi hành án và cũng có thể nhằm thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG đã áp dụng trước đó khi chúng không còn cần thiết.

Từ khái niệm trên có thể rút ra:

- BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là một trong những BPNC trong TTHS do Tòa án áp dụng.

- Đối tượng có thể bị áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là bị can, bị cáo hoặc người bị kết án.

- Việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc xét xử, thi hành án và cũng có thể nhằm thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG đã áp dụng trước đó khi chúng không còn cần thiết.

- Căn cứ, thẩm quyền, thủ tục và thời hạn áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm được quy định chặt chẽ và cụ thể trong luật.

Để đạt được mục đích của TTHS là xác định sự thật vụ án, phát hiện nhanh chóng, chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm, luật TTHS cho phép CQĐT, VKS, Tòa án được áp dụng một số biện pháp mang tính cưỡng chế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan THTT hoàn thành nhiệm vụ của mình. Do vậy, để áp dụng BPTG đúng quy định của pháp luật, đòi hỏi cơ quan THTT, người THTT phải hiểu đầy đủ toàn diện về bản chất của BPTG.

BPTG là một trong những BPNC chứ không phải là hình phạt, không phải nhằm mục đích trừng trị người phạm tội.

BPTG được pháp luật quy định chặt chẽ từ căn cứ áp dụng, chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, thời hạn, thủ tục áp dụng, cũng như quy định về thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng BPTG. Tuy nhiên, không phải tất cả bị can, bị cáo đều bị áp dụng BPTG mà tạm giam chỉ được áp dụng trong một số trường hợp nhất định với những đối tượng cụ thể.

Theo Viện Nhà nước và Pháp luật: “Trách nhiệm của cơ quan, người THTT cần phải xác định được căn cứ, điều kiện luật định khi áp dụng tạm giam đối với từng trường hợp cụ thể. Khi xem xét có điều kiện mới xét không còn gây cản trở cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án thì cơ quan, người có thẩm quyền có thể thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG. Đối tượng bị áp dụng BPTG có quyền khiếu nại, đề nghị hủy bỏ việc áp dụng BPTG đối với họ, họ còn có thể đòi bồi thường thiệt hại nếu xét thấy việc áp dụng BPTG đối với họ là thiếu căn cứ”[34, tr. 438].

Hiểu rõ bản chất của BPTG còn giúp chúng ta phân biệt được BPTG với các BPNC khác trong TTHS. BPTG có nhiều điểm giống nhau với biện pháp tạm giữ như: Đều là BPNC trong TTHS; đều có mục đích là ngăn chặn tội phạm và hỗ trợ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; người bị áp dụng đều bị hạn chế một số quyền công dân. Nhưng giữa hai biện pháp này có những điểm khác biệt cụ thể như sau:

- Về đối tượng áp dụng, tạm giữ có thể được áp dụng đối với người chưa khởi tố về hình sự; còn BPTG chỉ được áp dụng đối với bị can, bị cáo là người bị khởi tố về hình sự.

- Về thẩm quyền áp dụng, biện pháp tạm giữ được quy định tại khoản 2 Điều 110 và khoản 2 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015; còn thẩm quyền áp dụng BPTG được quy định tại Điều 113 và khoản 5 Điều 119 của Bộ luật TTHS năm 2015. Chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ nhiều hơn so với BPTG. Thủ tục áp dụng biện pháp tạm giữ đơn giản hơn BPTG như không cần sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành (trừ trường hợp gia hạn).

- Về thời hạn, thời hạn tạm giữ tối đa là 09 ngày (kể cả gia hạn); còn thời hạn tối đa để tạm giam thì dài hơn nhiều so với tạm giữ.

- Về tính chất, BPTG là BPNC nghiêm khắc nhất trong TTHS, biện pháp tạm giữ ít nghiêm khắc hơn.

1.1.2. Đặc điểm, mục đích và ý nghĩa của biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.1.2.1. Đặc điểm của biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Để giải quyết một vụ án hình sự thì cần phải trải qua nhiều giai đoạn tố tụng, mỗi giai đoạn tố tụng thì pháp luật quy định cho những thẩm quyền khác nhau để cùng hướng tới một mục đích là giải quyết vụ án hình sự đó một cách nhanh chóng, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm, góp phần tích cực cho công tác phòng ngừa tội phạm. Trong giai đoạn xét xử nói chung và xét xử sơ thẩm nói riêng pháp luật cũng quy định cho một số thẩm quyền, trong đó có thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG. Khi áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, tạm giam là BPNC nghiêm khắc nhất mà Tòa án có quyền áp dụng trong giai đoạn xét xử, cả trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Khi áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm một mặt góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, củng cố tăng cường pháp chế XHCN, thể hiện sự kiên quyết của nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo cho trật tự xã hội được ổn định, pháp luật được giữ vững, một mặt sẽ tạo điều kiện cho Tòa án hoàn thành nhiệm vụ của mình và bảo đảm cho hoạt động xét xử và thi hành án đạt hiệu quả cao nhất cũng như đảm bảo sự chính xác, khách quan của cả quá trình tố tụng.

Thứ hai, là biện pháp nghiêm khắc nhất trong các BPNC, có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải quyết vụ án hình sự nhưng biện pháp này cũng là biện pháp ảnh hưởng lớn đến quyền tự do của con người, của công dân, nên cũng như các cơ quan khác, khi áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về biện pháp này như về căn cứ, đối tượng bị áp dụng, thẩm quyền, thủ tục và thời hạn, thể hiện đầy đủ nguyên tắc pháp chế XHCN trong khi áp dụng BPTG.

Thứ ba, chủ thể có thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là Tòa án, đây là thẩm quyền riêng của Tòa án, không phụ thuộc vào ý chí của các cơ quan khác, không cần sự phê chuẩn của VKS, vì chỉ có Tòa án mới là cơ quan xét xử, là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn trong xét xử, là nơi mà vụ án được đưa ra xem xét giải quyết một cách toàn diện lần thứ nhất. Xét xử là một chức năng mà chỉ có Tòa án mới có, để thực hiện chức năng này thì pháp luật cũng đã quy định cho Tòa án một số thẩm quyền nhất định để Tòa án hoàn thành chức năng xét xử của mình. Trong các thẩm quyền được giao thì có thẩm quyền là áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Trong giai đoạn điều tra thì do Cơ quan điều tra, trong giai đoạn truy tố thì Viện kiểm sát và đến giai đoạn xét xử thì Tòa án là chủ thể có thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG.

Thứ tư, đối tượng bị áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ngoài bị can như hai giai đoạn tố tụng trước là điều tra và truy tố thì còn có thể có thêm đối tượng bị áp dụng là bị cáo và người bị tuyên án hình phạt tù đã hết thời hạn tạm giam sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm hoặc hình phạt tử hình. Các giai đoạn tố tụng trước đó là điều tra và truy tố thì đối tượng bị áp dụng BPTG chỉ là bị can. Nhưng khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử thì có thêm hai đối tượng trên, vì từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án có thể áp dụng BPTG đối với bị cáo khi có đủ các căn cứ để áp dụng. Sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, vì bản án sơ thẩm không có hiệu lực pháp luật ngay nên chưa được đưa ra thi hành được hoặc chưa được xét xử theo trình tự phúc thẩm ngay, việc này phải cần có một thời gian nhất định theo quy định của pháp luật, nên nếu có đủ các căn cứ tạm giam người bị tuyên án phạt tù sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm thì Tòa án có thể áp dụng BPTG để đảm bảo cho việc xét xử phúc thẩm và thi hành án sau này.

Thứ năm, BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm không phải là hình phạt mà cụ thể là hình phạt tù khi Tòa án áp dụng. Hình phạt và BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng là một trong những biện pháp cưỡng chế Nhà nước, do cùng một chủ thể áp dụng đó là Tòa án (hình phạt thì do HĐXX, còn BPTG thì do Chánh án, Phó Chánh án hoặc HĐXX), mang tính bắt buộc và ảnh hưởng đến quyền tự do của công

dân. Nhưng khi Tòa án áp dụng thì tùy theo biện pháp mà phải có các căn cứ, đối tượng, thủ tục, mục đích... riêng của từng biện pháp. Hình phạt do Tòa án quyết định, cụ thể là HĐXX là chủ thể duy nhất có thẩm quyền, hình phạt áp dụng đối với người mà Tòa án đã mở phiên tòa xét xử, công nhận người này đã phạm phải một tội hoặc nhiều tội trong BLHS quy định. Còn BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì cũng do Tòa án quyết định, nhưng chủ thể có thẩm quyền áp dụng rộng hơn bao gồm có Chánh án, Phó Chánh án và HĐXX, biện pháp này chỉ là một trong những BPNC mục đích chính là để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án, người bị tạm giam không phải là người phạm tội, nên hậu quả pháp lý nhẹ hơn so với hình phạt tù.

1.1.2.2. Mục đích áp dụng của biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Mục đích áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là điều mà Tòa án cần đạt được khi áp dụng biện pháp này. Khi áp dụng biện pháp nào thì cũng có mục đích áp dụng của nó, áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng vậy và việc áp dụng này có hai mục đích cơ bản sau:

Thứ nhất, ngăn chặn bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội. Cũng giống như khi áp dụng BPTG trong các giai đoạn tố tụng khác, áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng có mục đích là ngăn chặn bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội. Nếu để bị can, bị cáo ở ngoài xã hội, không có sự giam giữ, quản lý có thể bị can, bị cáo đó sẽ thực hiện hành vi phạm tội tới cùng hoặc sẽ phạm thêm một tội mới, như các bị can, bị cáo có ý thức chống đối tới cùng, coi thường pháp luật, các thành phần lưu manh, côn đồ hung hãn ... Vậy khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm với mục đích là ngăn chặn bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội. Vì mỗi hành vi phạm tội đều gây nên những hậu quả xấu cho xã hội. Vì vậy việc phòng ngừa tội phạm xảy ra là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó có Tòa án.

Thứ hai, bảo đảm cho công tác xét xử, thi hành án. Các BPNC được áp dụng đều nhằm bảo đảm các điều kiện pháp lý cho hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án theo đúng các quy định của pháp luật, là bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo trong các hoạt động tố tụng cần thiết, đảm bảo bản án có điều kiện được đưa ra thi hành khi có hiệu lực, cũng như đảm bảo tính khách quan và chính xác của

hoạt động tố tụng đó (bí mật điều tra, thông cung giữa các bị can, bị cáo v.v.). Khi một đối tượng nào đó đã bị khởi tố về một hành vi nào đó, thì theo quy luật khách quan tự nhiên thì đối tượng đó sẽ có những hành vi chống lại những chủ thể đã truy tố mình nhằm để bảo vệ mình, vì vậy họ sẽ gây khó khăn cho các hoạt động tố tụng. Mỗi BPNC cụ thể được áp dụng ở một giai đoạn tố tụng cụ thể do một cơ quan nào đó ban hành đều với mục đích bảo đảm cho cơ quan của mình hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình. Khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì mục đích của Tòa án cũng là nhằm bảo đảm sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa, tranh không cho các bị can, bị cáo thông cung với nhau, đe dọa hoặc mua chuộc người làm chứng... gây khó khăn cho hoạt động xét xử của Tòa án tại phiên tòa, giúp cho Tòa án hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ngoài ra việc áp dụng BPTG sau khi tuyên án sơ thẩm một mặt là có mục đích đảm bảo điều kiện cho bản án được thi hành khi có hiệu lực pháp luật, một mặt là bảo đảm cho việc xét xử theo trình tự phúc thẩm, vì khi tuyên án sơ thẩm thì pháp luật cho bị cáo một khoản thời gian nhất định để kháng cáo bản án sơ thẩm đã tuyên để giải quyết theo trình tự phúc thẩm và Viện kiểm sát cũng có một thời hạn nhất định để kháng nghị bản án sơ thẩm đã tuyên, vì bản án sơ thẩm tuyên chưa có hiệu lực pháp luật ngay, nên chưa đưa ra thi hành được. Ngoài ra nếu xét về thẩm quyền của Tòa án thì cũng có trường hợp trong giai đoạn xét xử sơ thẩm Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trong trường hợp này việc áp dụng BPTG còn có mục đích là đảm bảo cho các hoạt động điều tra lại và truy tố của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.

1.1.2.3. Ý nghĩa của biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Với vai trò là một BPNC, cũng như các BPNC khác, tạm giam có ý nghĩa rất lớn trong việc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm cũng như bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân cụ thể như sau:

Một là, tạm giam góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố tăng cường pháp chế XHCN, thể hiện sự kiên quyết của nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Với việc áp dụng BPTG sẽ đảm bảo cho trật tự xã hội

được ổn định, pháp luật được giữ vững, chế độ xã hội chủ nghĩa được bảo vệ, các quyền cũng như lợi ích hợp pháp của công dân được tôn trọng.

Hai là, tạm giam tạo cơ sở pháp lý vững chắc nhằm đảm bảo sự tôn trọng các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận. Đảm bảo không một công dân nào bị tạm giam trái pháp luật, khi áp dụng BPTG không đúng pháp luật quy định, công dân có quyền khiếu nại đến các chủ thể có thẩm quyền.

Ba là, tạm giam là biện pháp hữu hiệu bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đạt hiệu quả cao nhất. Bởi đây là biện pháp bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của Tòa án, đảm bảo sự chính xác, khách quan của hoạt động tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, ngăn ngừa các đối tượng tiếp tục phạm tội hoặc tìm cách xóa dấu vết phạm tội, chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Ngoài ra, tạm giam còn đảm bảo cho việc thi hành đúng pháp luật và hiệu lực của bản án có hiệu lực pháp luật đã được Tòa án tuyên.

Cuối cùng, tạm giam thể hiện tính ưu việt của nhà nước ta. Đó là biện pháp bảo đảm cho mọi công dân được sống trong xã hội mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ được tôn trọng và bảo vệ, tránh được sự tấn công, xâm hại từ phía các đối tượng nhất định, bảo đảm cho mọi công dân yên tâm sinh sống, học tập, làm việc tham gia vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.3. Các nguyên tắc khi áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng và các giai đoạn tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung đều có mục đích là ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Để đạt được mục đích trên trong quá trình áp dụng thì một số quyền và tự do cá nhân được pháp luật ghi nhận bị hạn chế. Để thực hiện được mục đích của việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, đồng thời đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cũng như tránh sự tùy tiện, lạm dụng của các cơ quan, người có thẩm quyền, thì chúng cần được tiến hành theo những nguyên tắc chung mà Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định như: nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong TTHS;

tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật; Suy đoán vô tội.v.v. và đặc biệt chú trọng đến một số nguyên tắc cụ thể như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc sử dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm để phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tội phạm. Khi một hành vi phạm tội xảy ra, việc điều tra làm rõ các tình tiết của hành vi đó và biện pháp xử lý hậu quả hành vi gây ra có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc phòng ngừa và đấu tranh tội phạm. Mọi người sẽ nhìn nhận thấy đó là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị gánh chịu hậu quả xử lý, vì thế mọi người không thực hiện hành vi đó. Áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có mục đích là ngăn chặn tội phạm và đảm bảo cho hoạt động xét xử và thi hành án của Tòa án và các cơ quan khác. Vì thế, khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và các biện pháp khác trong các giai đoạn tố tụng khác góp phần tích cực trong công tác phòng ngừa và đấu tranh, xử lý tội phạm. Vậy khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm phải đảm bảo được nguyên tắc này, vì thế không được áp dụng BPTG trong các hành vi vi phạm về dân sự, hành chính, kinh tế không phải là tội phạm mà pháp luật hình sự quy định.

Thứ hai, nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN. Đây là nguyên tắc chung, cơ bản, là nguyên tắc bao trùm nhất trong toàn bộ quá trình xây dựng, áp dụng pháp luật TTHS và được thể hiện trong tất cả các giai đoạn TTHS. Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động của các cơ quan THTT, người THTT phải được tiến hành theo quy định của pháp luật TTHS. Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013 ghi nhận “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Nguyên tắc này được thể hiện tại Điều 7 Bộ luật TTHS năm 2015 “Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Không được giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định”. Vì vậy, việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm phải đảm bảo được nguyên tắc này. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" nêu rõ: "Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ đảm bảo đúng pháp

luật... phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong việc bắt, giữ". Vì vậy, khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như các giai đoạn tố tụng khác thì cơ quan THTT và người THTT phải căn cứ nghiêm chỉnh vào các quy định của pháp luật về biện pháp này, đề cao tính thượng tôn của pháp luật, không được tự ý mình suy diễn ra ngoài pháp luật.

Thứ ba, nguyên tắc dân chủ và nhân đạo XHCN. Hoạt động TTHS là hoạt động mang tính đặc thù Nhà nước, nó mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội của Nhà nước, vì hoạt động này được tiến hành vì lợi ích của giai cấp cầm quyền và lợi ích chung của xã hội. Xuất phát từ bản chất Nhà nước ta là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân nên các hoạt động tố tụng nói chung, áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng phải tuân thủ theo nguyên tắc dân chủ, nhân đạo XHCN. Vì thế, các quy định về áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng phải xuất phát từ lợi ích của con người chứ không chỉ là lợi ích riêng của Nhà nước. Theo quy định Bộ luật TTHS 2015 thì có tám BPNC trong TTHS, các biện pháp này có mức độ nghiêm khắc khác nhau, trong đó BPTG là biện pháp có tính nghiêm khắc nhất. Vì thế đây phải là biện pháp cuối cùng có thể áp dụng, sau khi các biện pháp khác áp dụng không có tính khả thi nữa. Hiến pháp 2013 quy định tại Khoản 2, Điều 20 “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" trong đó phương hướng có nêu: "hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người" với nhiệm vụ đặt ra là "Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các BPTG". Từ những quy định trên cho thấy khi xây dựng pháp luật về BPTG Nhà nước ta đã rất là chú trọng đến quyền con người, của công dân, thể hiện tính nhân đạo XHCN, mọi hoạt động tố tụng đều hướng đến mục đích là bảo vệ con người, bảo vệ Nhân dân là trên hết.

1.2. Quy định pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Mặc dù trong quá trình tác giả nghiên cứu, viết và hoàn thành đề tài này thì Bộ luật TTHS năm 2003 vẫn còn hiệu lực thi hành, nhưng vào ngày 27/11/2015 thì Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật TTHS năm 2015, Bộ luật này sẽ thay thế cho Bộ luật TTHS năm 2003. Nên trong Luận văn này tác giả nghiên cứu các quy định pháp luật TTHS về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Bộ luật TTHS năm 2015, để làm nền tảng và cơ sở cho những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, việc THTT đối với các vụ án hình sự đều phải tuân theo một trình tự, thủ tục nhất định. Trong mỗi bước, Bộ luật TTHS lại có trình tự, thủ tục, các công việc cần phải tiến hành, cách thức tiến hành riêng.... Áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì Bộ luật TTHS cũng quy định về đối tượng, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn.

1.2.1. Đối tượng và căn cứ áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.2.1.1. Đối tượng bị áp dụng và căn cứ áp dụng

Tạm giam là BPNC nghiêm khắc nhất mà Tòa án có thẩm quyền áp dụng. Biện pháp này cũng là biện pháp ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, không phải đối tượng người bị buộc tội nào cũng bị áp dụng biện pháp này, mà biện pháp này chỉ áp dụng cho các đối tượng nhất định theo quy định pháp luật và phải có căn cứ để chứng minh cho việc áp dụng đối với đối tượng đó. Mỗi đối tượng bị áp dụng sẽ có căn cứ riêng của mình, hai vấn đề này phải đi chung với nhau.

Thứ nhất, theo quy định tại Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015: “1. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng. 2. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm khi có căn cứ

xác định người đó thuộc một trong các trường hợp: a) Đã bị áp dụng BPNC khác nhưng vi phạm; b) Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; d) Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. 3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. 4. Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng BPNC khác, trừ các trường hợp: a) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; b) Tiếp tục phạm tội; c) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; d) Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.”

Theo quy định trên thì đối tượng có thể bị áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là bị can, bị cáo. Tuy nhiên, không phải tất cả bị can, bị cáo đều bị áp dụng BPTG, mà chỉ có thể áp dụng đối với họ khi có các căn cứ phù hợp, chia thành bốn trường hợp sau (trừ việc tạm giam đối với người dưới 18 tuổi):

Trường hợp thứ nhất, bị can, bị cáo bị truy tố về tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng. Nếu bị can, bị cáo thuộc những trường hợp này, Tòa án có thẩm quyền có thể tạm giam mà không cần có thêm căn cứ nào khác. Điều luật ở đây quy định BPTG “có thể” được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong trường hợp trên, có nghĩa là không phải bị can, bị cáo nào bị truy tố về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng thì bắt buộc Tòa án phải áp dụng BPTG đối với họ, mà ở đây có sự tùy nghi áp dụng, Tòa án có thể lựa chọn một BPNC khác đối với đối

tượng này nếu xét thấy không cần thiết tạm giam. So với quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 thì quy định đối tượng trong trường hợp này cơ bản không có gì khác nhau.

Trường hợp thứ hai, bị can, bị cáo bị truy tố về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm và phải có căn cứ cho rằng người đó thuộc các trường hợp sau đây: Đã bị áp dụng BPNC khác nhưng vi phạm; Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. Khác với đối tượng thứ nhất, đối tượng trong trường hợp này phải kèm theo các căn cứ như trên, việc pháp luật liệt kê rõ ràng và chi tiết các căn cứ để Tòa án có thể áp dụng BPTG đối với đối tượng này là một điểm tiến bộ so với Bộ luật TTHS năm 2003 quy định khá chung chung về các căn cứ này.

Trường hợp thứ ba, BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm còn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo bị truy tố về tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Quy định này là quy định mới so với Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định đối tượng thuộc trường hợp này và căn cứ áp dụng cho trường hợp này.

Thứ hai, ngoài đối tượng là bị can, bị cáo như đã nêu trên, thì đối tượng bị áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có thêm là người bị tuyên án phạt tù đã hết thời hạn tạm giam sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm hoặc bị tuyên hình phạt tử hình. Theo quy định tại Điều 329 Bộ luật TTHS năm 2015 “Bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án. 1. Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà bị xử phạt tù nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo, trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật này. 2. Trường hợp bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì họ chỉ bị

bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội. 3. Thời hạn tạm giam bị cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. 4. Trường hợp bị cáo bị xử phạt tử hình thì HĐXX quyết định trong bản án việc tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.” Đối tượng bị áp dụng BPTG trong trường hợp này là người đã bị HĐXX sơ thẩm kết án và đã áp dụng hình phạt đối với họ, có thể là hình phạt tù hoặc hình phạt tử hình. Như vậy theo quy định trên thì có ba trường hợp xảy ra khi HĐXX sơ thẩm áp dụng BPTG.

Trường hợp thứ nhất là đối với bị cáo đang bị tạm giam mà bị xử phạt tù trừ trường hợp là được hưởng án treo hoặc thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam thì nếu xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án thì HĐXX có thể quyết định tạm giam bị cáo. Quy định này có phần sửa đổi, bổ sung so với Bộ luật TTHS năm 2003 là trao lại thẩm quyền quyết định cho HĐXX có quyền tạm giam hay không tạm giam bị cáo này tùy theo từng trường hợp cụ thể. Việc bổ sung cụm từ “xét thấy cần thiết” là điểm mới ghi nhận sự tiến bộ so với Bộ luật TTHS năm 2003, trong trường hợp này theo quy định tại Điều 228 Bộ luật TTHS năm 2003 thì HĐXX phải bắt buộc tạm giam bị cáo, HĐXX không có quyền lựa chọn BPNC nào khác, việc này ảnh hưởng tới thẩm quyền quyết định của HĐXX.

Trường hợp thứ hai là bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì họ chỉ bị bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. HĐXX có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội. Quy định này cơ bản giống với quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003. Trong trường hợp này pháp luật đã trao thẩm quyền cho HĐXX, không lệ thuộc vào loại tội phạm và mức hình phạt tù như đã quy định tại Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015, khi HĐXX đã bị tuyên hình phạt tù đối với bị cáo, bất kể thời hạn tù là bao nhiêu nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội thì HĐXX có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa.

Trường hợp thứ ba là đối với bị cáo bị xử phạt tử hình thì bắt buộc HĐXX phải áp dụng BPTG đối với họ. Quy định này cơ bản giống với quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003. Trường hợp này bị cáo đã bị tuyên là đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và HĐXX đã áp dụng hình phạt tử hình đối với họ, là hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt, vì vậy cần phải tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án và xét xử phúc thẩm sau này.

1.2.1.2. Đối tượng hạn chế áp dụng và căn cứ

Thể hiện tính nhân đạo XHCN, khoản 4 Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những trường hợp không được áp dụng BPTG gồm: Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng BPNC khác (trừ các đối tượng là người dưới 18 tuổi).

Tuy nhiên, những đối tượng này có thể bị áp dụng BPTG trong những trường hợp đặc biệt đó là: Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; Tiếp tục phạm tội; Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Ngoài ra còn có đối tượng là bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù dưới hai năm hoặc hình phạt khác không phải là hình phạt tù thì không áp dụng BPTG. Nếu xét thấy cần thiết, thì có thể áp dụng BPNC khác như bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

Với những quy định này, Bộ luật TTHS năm 2015 đã thể hiện khá rõ nét nguyên tắc nhân đạo XHCN, tôn trọng quyền con người, bảo vệ quyền trẻ em. Với điều kiện sinh hoạt trong các trại tạm giam thì không thể đảm bảo những nhu cầu thiết yếu của phụ nữ mang thai, nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, người già yếu và người bị bệnh nặng. Hơn nữa trong những trường hợp này thì bị can, bị cáo đã có nơi

cư trú rõ ràng, nếu họ không thuộc các trường hợp đặc biệt kể trên, Tòa án có thể áp dụng BPNC khác để đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của mình.

1.2.1.3. Căn cứ thay đổi hoặc hủy bỏ

Trong thẩm quyền của mình được pháp luật quy định ngoài việc được áp dụng BPTG, thì trong giai đoạn xét xử sơ thẩm Tòa án còn có thẩm quyền thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thuộc thẩm quyền riêng của Tòa án, có thể thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG khi có căn cứ việc áp dụng biện pháp này của CQĐT, VKS hoặc của chính Tòa án khi không còn cần thiết nữa.

Để áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phải nhất thiết có một trong những căn cứ như phân tích ở trên. Vì vậy, khi căn cứ này không còn tồn tại hoặc bị thay đổi trong thực tế khách quan, thì phải hủy bỏ hoặc thay thế BPTG đã được áp dụng. Theo quy định tại Điều 125 Bộ luật TTHS năm 2015 thì căn cứ để Tòa án ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ BPNC nói chung, trong đó có BPTG là: “1. Mọi BPNC đang áp dụng phải được hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp: a) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; b) Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án; c) Đình chỉ điều tra đối với bị can, đình chỉ vụ án đối với bị can; d) Bị cáo được Tòa án tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, hình phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. 2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hủy bỏ BPNC khi thấy không còn cần thiết hoặc có thể thay thế bằng BPNC khác.”

Hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là việc Tòa án quyết định không áp dụng biện pháp này nữa cũng như các BPNC khác đối với người bị áp dụng; Thay thế BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là việc Tòa án quyết định thay đổi BPTG đang áp dụng bằng BPNC khác. Việc thay thế BPTG phụ thuộc vào sự thay đổi của căn cứ và những tình tiết khi áp dụng nó, BPTG đã được áp dụng có thể được hủy bỏ và được thay thế bằng một BPNC khác ít nghiêm khắc hơn. Việc áp dụng BPNC khác ít nghiêm khắc hơn vẫn có thể đảm bảo thực hiện có hiệu quả của các nhiệm vụ

của TTTHS, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm.

1.2.2. Thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân. 3. Khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền: a) Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPNC; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án.” Như vậy việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm pháp luật trao thẩm quyền cho Tòa án, nhưng không phải tất cả các chức danh trong Tòa án đều được pháp luật trao thẩm quyền này mà chỉ những chủ thể sau đây mới có thẩm quyền áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 119 Bộ luật TTTHS năm 2015: “Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh, quyết định tạm giam.”. Quy định tại khoản 1 Điều 113 Bộ luật TTTHS 2015. “1. Những người sau đây có quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS quân sự các cấp; c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; HĐXX.”

Trong giai đoạn xét xử, hồ sơ vụ án đã được chuyển giao sang cho Tòa án cùng với bản cáo trạng của VKS, tới giai đoạn này thì pháp luật trao cho Tòa án các thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ của mình, trong đó có áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG, đây là thẩm quyền riêng của Tòa án không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp. Tuy nhiên không phải tất cả các chức danh trong Tòa án đều có quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG, mà pháp luật quy định chỉ cho phép các chủ thể sau đây mới có quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG đó

Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; HĐXX. Vậy, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì chủ thể có thẩm quyền áp dụng BPTG là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện và HĐXX tham gia xét xử vụ án.

Cũng theo quy định tại Điều 278 Bộ luật TTHS 2015: “Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC, biện pháp cưỡng chế. 1. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC, biện pháp cưỡng chế, trừ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPTG do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định. 2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 277 của Bộ luật này. 3. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì HĐXX ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.” Như vậy trong giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử pháp luật quy định Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án nhân dân các cấp mới có thẩm quyền áp dụng BPTG. Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa không có thẩm quyền áp dụng BPTG, việc quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm khi áp dụng biện pháp này, trải qua trình tự thủ tục chặt chẽ, tránh đi việc áp dụng một cách tùy tiện. Vì Chánh án và Phó Chánh án là những người có chức danh và chức vụ trong Tòa án, là người quản lý điều hành chung và chịu trách nhiệm cao nhất trong đơn vị Tòa án của mình.

Ngoài Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân các cấp, thì thẩm quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm còn có HĐXX. Phiên tòa là nơi mà vụ án được đưa ra xét xử, mọi vấn đề có trong vụ án đều được đưa ra xem xét giải quyết. Tại phiên tòa thì HĐXX có thẩm quyền quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề trong vụ án, HĐXX bao gồm Thẩm phán được phân công là chủ Tọa phiên tòa và các vị Hội thẩm nhân dân, trừ các trường hợp đặc biệt khác. HĐXX có thể áp dụng BPTG sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với bị cáo mà bị tuyên áp dụng hình phạt tù (trừ trường hợp bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc thời hạn phạt tù mà Hội đồng xét xử tuyên bằng hoặc ngắn hơn thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam) hoặc hình phạt tử hình.

1.2.3. Thủ tục áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Với tính chất là BPNC nghiêm khắc nhất, hạn chế tự do của người bị áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Vì vậy, việc áp dụng BPTG cần phải tuân thủ theo một trình tự, thủ tục rất chặt chẽ. Theo quy định của Bộ luật TTHS 2015 thì việc tạm giam bị can, bị cáo phải có lệnh tạm giam hoặc quyết định tạm giam. Lệnh, quyết định này phải do những người có thẩm quyền ký hoặc phê chuẩn trước khi thi hành. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì những người có thẩm quyền ra Lệnh tạm giam bao gồm Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp huyện, thẩm quyền ra Quyết định tạm giam là thuộc về HĐXX sơ thẩm cấp tỉnh hoặc cấp huyện. Đây là thẩm quyền riêng của Tòa án nên không phải có sự phê chuẩn của VKS cùng cấp nên được đưa ra thi hành ngay. Vì chưa có văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật TTHS 2015 nên tác giả lấy tinh thần của các văn bản hướng dẫn thi hành đối với Bộ luật TTHS 2003 để phân tích nội dung này, vì xét cơ bản thì quy định của hai Bộ luật này giống nhau.

Theo quy định tại Mục 2.1 của Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần ba “xét xử sơ thẩm” của Bộ luật TTHS năm 2003. “Áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ BPTG. a) Áp dụng BPTG là việc Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án theo đề nghị của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra lệnh tạm giam bị can, bị cáo trong trường hợp bị can, bị cáo chưa bị tạm giam hoặc đang bị tạm giam mà thời hạn tạm giam đã hết và căn cứ vào quy định tại Điều 88 của Bộ luật TTHS, xét thấy cần thiết tạm giam hoặc tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo. b) Thay đổi BPTG là việc Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án theo đề nghị của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định thay đổi BPTG bằng BPNC khác trong trường hợp bị can, bị cáo đang bị tạm giam, nhưng xét thấy không cần thiết tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo mà có thể áp dụng BPNC khác (cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh; đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm). c) Huỷ bỏ BPTG là việc Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án theo đề nghị của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định huỷ bỏ BPTG đối với bị can, bị cáo trong trường hợp bị can, bị cáo đang bị tạm giam, nhưng xét thấy

không cần thiết tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo và cũng không cần thiết áp dụng BPNC khác. d) Sau khi quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG, nếu xét thấy cần thiết thì Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án vẫn có quyền hủy bỏ hoặc áp dụng lại BPTG.”

Vì vậy, Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa không được áp dụng BPTG, mặc dù là người trực tiếp tham gia xét xử, làm Chủ tọa phiên tòa và cũng là người nghiên cứu hồ sơ vụ án đó nhiều nhất. Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa chỉ có quyền đề nghị áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG lên cho Chánh án hoặc Phó chánh án quyết định, nếu được đồng ý thì soạn thảo văn bản theo mẫu quy định và trình Chánh án hoặc Phó chánh án ký phát hành.

Theo quy định nếu bị can, bị cáo đã bị áp dụng BPTG trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố, việc tạm giam này kéo dài cho tới khi hồ sơ vụ án được chuyển sang cho Tòa bằng bản cáo trạng của VKS, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu Tòa án xét thấy cần tiếp tục giam bị can, bị cáo để đảm bảo cho việc xét xử thì Tòa án ra Lệnh tạm giam theo mẫu quy định[16], ngày giam là ngày tiếp theo của lệnh tạm giam trước đó và trừ đi ngày đã bị tạm giam từ khi vụ án đã được thụ lý tại Tòa và phải đảm bảo là không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo luật định. Trong trường hợp bị can, bị cáo không bị áp dụng BPTG trong giai đoạn điều tra và truy tố thì nếu khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Tòa án xét thấy phải áp dụng BPTG thì Tòa án ra Lệnh bắt và tạm giam bị can, bị cáo[16] để tạm giam, thời hạn thì phải đảm bảo không được vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 277 Bộ luật TTHS năm 2015. Vậy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án có thể áp dụng BPTG đối với bị can, bị cáo tùy theo trường hợp bằng hai văn bản khác nhau.

Ngay sau khi xét xử sơ thẩm, HĐXX có thể quyết định việc tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án hoặc đảm bảo xét xử phúc thẩm. Cũng có thể thay đổi, hủy bỏ BPTG. Nếu xét thấy đầy đủ các căn cứ và cần thiết để tạm giam bị cáo sau khi tuyên án thì HĐXX có quyền áp dụng đối với bị cáo đó. Việc áp dụng này phải được HĐXX thỏa luận tại phòng nghị án và được ghi vào biên bản nghị án, tất cả thành viên của HĐXX phải ký tên thống nhất vào biên bản nghị án này. Khi tuyên

án thì cùng lúc với tuyên bản án thì cũng phải công bố quyết định về việc áp dụng BPTG do Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa ký thay mặt cho HĐXX tại phiên tòa.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 286 Bộ luật TTHS năm 2015 “Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC, biện pháp cưỡng chế được giao cho bị can, bị cáo, VKS cùng cấp, cơ sở giam giữ nơi bị can, bị cáo đang bị tạm giam trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.” Khi ban hành lệnh hoặc quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG, trong lệnh hoặc quyết định đó phải thể hiện rõ ngày, tháng, năm; họ tên, chức vụ hoặc tư cách tổ tụng của người ra lệnh, quyết định; họ tên, địa chỉ của người bị tạm giam; lý do áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPTG, thời hạn tạm giam. Sau khi các văn bản trên được ban hành thì nhiệm vụ của Tòa án là trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định phải giao cho người bị áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG một bản, cơ quan thi hành một bản và VKS cùng cấp một bản để theo dõi, việc này phải lập biên bản và được lưu vào hồ sơ vụ án.

1.2.4. Thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Thời hạn tạm giam trong Bộ luật TTHS 2015 không được quy định tập trung ở một điều luật mà được quy định theo từng giai đoạn của quá trình tố tụng. Cụ thể trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thì thời hạn áp dụng BPTG có thể chia thành hai giai đoạn như sau (trừ các đối tượng là người dưới 18 tuổi):

Thứ nhất, thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử sơ thẩm và hoàn thành việc xét xử sơ thẩm. Quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 278 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 277 của Bộ luật này. 3. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì HĐXX ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa”. Thời hạn xét xử sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 277 Bộ luật TTHS năm 2015 là trong thời hạn 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, 03 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ ngày thụ lý vụ

án. Đối với vụ án phức tạp, Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 15 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, không quá 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. So với Bộ luật TTHS năm 2003 thì thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử sơ thẩm và hoàn thành việc xét xử sơ thẩm cơ bản giống nhau, chỉ có về thẩm quyền áp dụng BPTG để hoàn thành việc xét đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết thì thuộc về HĐXX, trong khi đó Bộ luật TTHS năm 2003 quy định thuộc về Chánh án theo đề nghị của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa.

Thứ hai, thời hạn tạm giam sau khi xét xử sơ thẩm. Ngay sau khi xét xử sơ thẩm, HĐXX có thể quyết định việc tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án hoặc đảm bảo cho việc xét xử phúc thẩm. Đối với giai đoạn xét xử sơ thẩm, Điều 329 Bộ luật TTHS 2015 quy định “1. Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà bị xử phạt tù nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án thì HĐXX ra quyết định tạm giam bị cáo, trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật này. 2. Trường hợp bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì họ chỉ bị bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. HĐXX có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội. 3. Thời hạn tạm giam bị cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. 4. Trường hợp bị cáo bị xử phạt tù hình thì HĐXX quyết định trong bản án việc tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.”

Thời hạn tạm giam trong trường hợp này là 45 ngày, kể từ ngày tuyên án, 45 ngày là thời gian mà pháp luật dự trù cho trường hợp là bản án sẽ bị kháng cáo, kháng nghị, ra quyết định thi hành án phạt tù. Nếu bản án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì việc tạm giam bị cáo sau khi xét xử là để đảm bảo cho việc xét xử phúc thẩm, còn nếu bản án không bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì đảm bảo cho việc thi hành án sau khi bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn kháng cáo của bị cáo và các đương sự khác trong vụ án nếu có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu không có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc được niêm yết, còn thời hạn kháng nghị của VKS cùng cấp là 15 ngày và VKS cấp trên là 30 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn mà Tòa án giao bản án cho bị cáo, VKS, người bào chữa, người bị xét xử vắng mặt, cơ quan Công an là 10 ngày kể từ ngày tuyên án. Vậy tính tổng thời hạn giao bản án và thời hạn kháng cáo, kháng nghị thì thời hạn tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án là hợp lý.

1.2.5. Quy định pháp luật về áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi

Theo quy định tại Điều 419 Bộ luật TTHS năm 2015: “Áp dụng BPNC, biện pháp cưỡng chế. 1. Chỉ áp dụng BPNC, biện pháp áp giải đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các BPNC khác không hiệu quả. Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật này. Khi không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng BPNC khác. 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật hình sự nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này. 3. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này. 4. Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. 5. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho người đại diện của họ biết.”

Như vậy so với quy định trong Bộ luật TTHS năm 2003 thì có nhiều sự thay đổi, bổ sung về việc áp dụng BPTG đối với đối tượng này, quy định rõ và chi tiết hơn về căn cứ áp dụng. Thể hiện tinh thần nhân đạo XHCN, bảo vệ quyền trẻ em. Khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi cần lưu ý các đặc điểm sau:

- Có căn cứ cho rằng việc áp dụng các BPNC khác không hiệu quả;
- Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của BLHS năm 2015 (tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây: a) Điều 143 (tội cưỡng dâm); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản); c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy); d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); Điều 266 (tội đua xe trái phép); đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật); Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); e) Điều 299 (tội khủng bố); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 304 (tội

chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự) nếu có căn cứ quy định các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật TTHS năm 2015 (a. Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; b. Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; c. Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; d. Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; đ. Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này).

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật TTHS năm 2015 (căn cứ như trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi).

- Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS năm 2015 quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

1.3. Quy định về biện pháp tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam

Các quốc gia trên thế giới rất quan tâm đến việc tạm giam trong TTHS. Pháp luật TTHS của nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định cụ thể về BPTG. Tùy vào hoàn cảnh, điều kiện, quan điểm lập pháp mà các quốc gia có các quy định về BPTG cho mình. Chúng ta tìm hiểu một số quy định ở một số nước trên thế giới về BPTG.

Thứ nhất: Luật TTHS của Liên Bang Nga quy định tại Điều 108: “Tạm giam với tư cách là BPNC được áp dụng theo quyết định của Tòa án đối với người bị tình nghi hoặc bị can, bị cáo về tội mà luật hình sự quy định hình phạt tước tự do trên hai năm trong trường hợp không thể áp dụng BPNC khác ít nghiêm khắc hơn.

Trong những trường hợp đặc biệt BPNC này có thể được áp dụng đối với người bị tình nghi, bị can, bị cáo về tội có mức hình phạt tước tự do đến hai năm, nếu có một trong những tình tiết sau: 1. Người bị tình nghi, bị can, bị cáo không có nơi cư trú thường xuyên trên lãnh thổ Liên Bang Nga; 2. Không xác định được nhân thân họ; 3. Họ đã vi phạm BPNC khác được áp dụng trước đó đối với họ; 4. Họ đã trốn tránh Cơ quan điều tra hoặc Tòa án.”

Theo quy định này, đối tượng có thể bị tạm giam là người bị tình nghi hoặc bị can, bị cáo khi thỏa mãn một trong hai trường hợp sau đây: Trường hợp 1: Gồm có hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất: người bị tình nghi, bị can, bị cáo bị cho rằng đã thực hiện tội phạm, mà tội này trong luật hình sự có hình phạt trên hai năm tù. Điều kiện thứ hai: Khi không thể áp dụng được các BPNC khác ít nghiêm khắc hơn đối với các đối tượng này. Trường hợp 2: Được luật quy định trong hai trường hợp sau: Trường hợp thứ nhất: Người bị tình nghi, bị can, bị cáo bị cho rằng đã thực hiện tội phạm mà luật hình sự quy định hình phạt tới hai năm tù. Trường hợp thứ hai: Những đối tượng này thỏa mãn một trong bốn điều kiện đó là không có nơi cư trú thường xuyên trên lãnh thổ Liên Bang Nga; không xác định được nhân thân người đó; vi phạm BPNC đã áp dụng trước đó đối với họ; họ đã trốn tránh Cơ quan điều tra hoặc Tòa án.

So với đối tượng có thể bị áp dụng BPTG theo luật TTHS Việt Nam thì pháp luật TTHS Liên Bang Nga rộng hơn, có cả đối tượng là người bị tình nghi, trong khi đó đối tượng có thể bị áp dụng BPTG theo TTHS Việt Nam chỉ có thể là bị can, bị cáo. Người bị tình nghi có thể áp dụng BPNC khác như bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, tạm giữ, nhất định không được tạm giam họ. Bên cạnh đó luật TTHS Liên Bang Nga không có căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà cụ thể là thuộc loại tội gì để xem xét áp dụng tạm giam mà căn cứ vào mức hình phạt của luật hình sự quy định bên cạnh một số căn cứ khác.

Cơ quan có thẩm quyền áp dụng BPTG chỉ là Tòa án, các cơ quan khác không có thẩm quyền này, khác với thẩm quyền áp dụng BPTG trong TTHS Việt Nam. Khi nhận được quyết định khởi tố do điều tra viên hoặc Kiểm sát viên ra

quyết định và trình lên Tòa án sẽ xem xét đưa ra quyết định áp dụng BPTG hay không hay tạm hoãn áp dụng biện pháp này. Luật cũng quy định việc gia hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra phải có sự cho phép của Tòa án. Như vậy, bên cạnh chức năng xét xử, Tòa án theo pháp luật TTHS Liên Bang Nga còn trao thẩm quyền giám sát một số hoạt động tư pháp khi tiến hành hoạt động TTHS.

Thời hạn tạm giam trong TTHS của Liên Bang Nga được quy định như sau: Tạm giam để điều tra vụ án hình sự không được quá 02 tháng. Trong trường hợp không thể kết thúc việc điều tra và thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp tạm giam thì có thể gia hạn đến 03 tháng. Trong trường hợp vụ án đặc biệt phức tạp có thể gia hạn đến 06 tháng và Viện trưởng Viện kiểm sát Liên Bang Nga và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có quyền gia hạn đến 9 tháng tính từ ngày tạm giam.

Thứ hai: Quy định pháp luật TTHS về BPTG ở Nhật Bản. Điều 10 Bộ luật TTHS Nhật bản quy định có thể tạm giam đối với bị cáo khi hội đủ hai điều kiện: Một là, có đầy đủ căn cứ để nghi ngờ rằng bị cáo đã phạm tội; Hai là, bị cáo thuộc một trong những trường hợp sau: Họ không có nơi ở cố định; Có đủ căn cứ để nghi ngờ rằng bị cáo có thể tiêu hủy chứng cứ; Khi bị cáo bỏ trốn hoặc có đủ căn cứ cho rằng họ có thể trốn. Đối tượng bị áp dụng BPTG trong pháp luật TTHS Nhật Bản rất hẹp, chỉ là bị cáo. Theo quy định này, thì bị cáo chỉ cần hội đủ hai căn cứ trên là có thể áp dụng tạm giam mà không quan tâm đến việc họ phạm tội gì, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi đó cho xã hội ra sao. Đây là điểm hạn chế dẫn đến việc lạm dụng BPTG, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thẩm quyền áp dụng BPTG được giao cho một cơ quan duy nhất là Tòa án mà không phải là cơ quan tố tụng khác, điều này giống với pháp luật Liên Bang Nga. Về thời hạn áp dụng BPTG là không được quá 02 tháng sau ngày ra quyết định khởi tố. Trường hợp có sự cần thiết đặc biệt phải tiếp tục tạm giam thì thời hạn có thể được gia hạn vào ngày cuối cùng của từng tháng một bằng một quyết định. Công tố viên có thể đưa ra đề nghị tạm giam người bị tình nghi trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc từ cơ quan cảnh sát hoặc trong thời hạn 48 giờ kể từ khi tự mình thực hiện việc bắt giữ người bị tình nghi. Trong trường hợp Thẩm phán ra lệnh bắt giữ người bị tình nghi mà công tố viên không thể hoàn thành việc điều tra

trong thời hạn ban đầu là 10 ngày thì công tố viên có thể đề nghị Thẩm phán gia hạn tạm giam trong thời hạn 10 ngày nữa.

Thứ ba: Quy định về BPTG trong pháp luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Bộ luật TTHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định về BPTG nhưng không quy định rõ về căn cứ áp dụng. Điều 69 của Luật TTHS Trung Hoa có nêu: "...nếu thấy cần phải bắt giam...". Đối tượng bị áp dụng BPTG là bị can, bị cáo. Thẩm quyền áp dụng BPTG được quy định là cơ quan Công an và đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn. Về thời hạn áp dụng luật không quy định rõ. Nhưng tại Điều 74 Luật TTHS Trung Hoa là trong trường hợp vụ án liên quan đến bị can, bị cáo bị tạm giam không thể kết thúc trong thời hạn quy định, để tạm giam bị can, bị cáo phục vụ điều tra tiến hành thẩm tra trước khi truy tố hoặc thủ tục sơ thẩm hay phúc thẩm, cần điều tra, xử lý thêm vẫn cần thiết. Bị can, bị cáo có thể được phép có một người bảo lãnh trong giai đoạn chờ xét xử hoặc bị giám sát nơi cư trú. Với quy định này hạn chế là dễ dẫn đến việc lạm dụng BPTG, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thứ tư: Theo pháp luật Đức, Bộ luật TTHS Đức đã nghi nhận cụ thể những quy định về BPTG như: điều kiện và căn cứ áp dụng; trình tự thủ tục áp dụng, thẩm quyền và thời hạn áp dụng. Theo đó tạm giam được áp dụng khi thỏa mãn hai điều kiện: Có căn cứ xác đáng để nghi ngờ người đó đã phạm tội và có căn cứ để bắt.

Thứ nhất là, căn cứ xác đáng để nghi ngờ bị can đã thực hiện hành vi phạm tội là những trường hợp được quy định rất cụ thể tại khoản 1 Điều 129a, Điều 211, Điều 212, khoản 1 Điều 220a, Điều 226, Điều 306b và Điều 306c của Bộ luật hình sự.

Thứ hai là, việc bắt bị can để tạm giam có thể được tiến hành nếu có căn cứ sau đây: Xác định bị can đã bỏ trốn hoặc có khả năng bị can sẽ bỏ trốn; Có căn cứ rằng bị can có hành vi: phá hủy, thay đổi, duy chuyển, dấu hoặc làm giả chứng cứ hoặc tác động không đúng tới đồng phạm, nhân chứng, chuyên gia.

Tuy nhiên, BPTG có thể không áp dụng nếu có không tương xứng với tính chất của vụ án hoặc hình phạt hay biện pháp cải tạo và biện pháp phòng ngừa có thể sẽ được áp dụng. Bên cạnh đó Bộ luật TTHS Đức cũng quy định những trường hợp ngoại lệ vẫn tiến hành tạm giam ngay cả khi không có căn cứ đó là trong những

trường hợp tính mạng, sức khỏe của người khác đã bị nguy hiểm bởi tội phạm theo khoản 1,2,3 Điều 308 của Bộ luật hình sự Đức. Việc tạm giam sẽ do Thẩm phán quyết định bằng một lệnh bắt. Bị can sau khi bị bắt sẽ được đưa đến Thẩm phán có thẩm quyền xem xét và nếu cần thiết sẽ tạm giam. Thời hạn tạm giam theo Điều 122a quy định thì thời hạn tạm giam tối đa không được kéo dài hơn một năm. Về thẩm quyền thì giống với pháp luật của Liên Bang Nga và Nhật Bản.

Khi nghiên cứu quy định pháp luật TTHS các quốc gia trên cho thấy, các quốc gia đều quy định tạm giam là một trong những BPNC trong TTHS. Nhưng quy định ở mỗi nước về các vấn đề về đối tượng, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn áp dụng BPTG có phần khác nhau. Pháp luật TTHS các nước quy định rõ ràng, chặt chẽ căn cứ áp dụng BPTG. Theo đó, tạm giam được áp dụng đối với loại tội phạm nghiêm trọng trở lên mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù. Đối với tội phạm ít nghiêm trọng mà BLHS có quy định hình phạt tù, việc áp dụng BPTG được quyết định trên cơ sở cân nhắc, xem xét về sự cần thiết áp dụng biện pháp này để bảo đảm chứng cứ, bảo đảm quá trình giải quyết vụ án, ngăn chặn người phạm tội trốn, tiếp tục phạm tội... Hầu hết các nước đều quy định căn cứ để xem xét áp dụng BPTG gồm: không có chỗ ở cố định; che giấu chứng cứ; bỏ trốn hoặc có lý do chính đáng nghi ngờ bị can bỏ trốn (Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Đức). Ngoài ra, một số nước quy định các căn cứ cụ thể khác như: không xác định được nhân thân bị can; bị can vi phạm BPNC khác đã được áp dụng trước đó; đã trốn tránh Cơ quan điều tra hoặc Tòa án (Nga); để bảo vệ chứng cứ, ngăn chặn làm giả, tiêu hủy chứng cứ, bảo vệ đương sự, ngăn chặn việc gây áp lực đối với người bị hại, người làm chứng hoặc thông đồng với người đồng phạm; ngăn ngừa việc tiếp tục phạm tội, đảm bảo giữ gìn trật tự xã hội (Trung Quốc); khi bị can không thể khai báo danh tính của mình (Đức); Có nguy hại rõ ràng đối với an ninh quốc gia, an ninh công cộng hoặc trật tự xã hội; Có ý định tự sát hoặc bỏ trốn (Trung Quốc). Có nước quy định cụ thể căn cứ bắt người cũng là căn cứ tạm giam (Đức); quy định căn cứ tạm giam theo tội phạm cụ thể mà Bộ luật hình sự quy định (Nga, Đức). Liên Bang Nga quy định chặt chẽ căn cứ tạm giam đối với đối tượng người chưa thành niên.

Như vậy, có thể thấy pháp luật TTHS các nước quy định khá cụ thể và chặt chẽ căn cứ áp dụng BPTG. Tiếp thu kinh nghiệm các nước, đề xuất quy định chặt

chế căn cứ áp dụng BPTG để hạn chế việc lạm dụng tạm giam, khắc phục những bất cập thực tiễn ở Việt Nam như sau:

Về thẩm quyền áp dụng: Tiếp thu kinh nghiệm các nước, thẩm quyền áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử nên mạnh dạng quy định giao cho Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa, trong giai đoạn điều tra và truy tố nên giao thẩm quyền này cho Kiểm sát viên, điều này phù hợp với xu thế chung của thế giới và chủ trương của Đảng đề ra là thu hẹp lại người có thẩm quyền áp dụng BPTG.

Về căn cứ áp dụng BPTG không nên quy định chỉ dựa vào phân loại tội phạm mà không kèm theo bất cứ điều kiện gì (quy định đối với phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng) là thiếu chặt chẽ, chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến tình trạng lạm dụng việc tạm giam. Cần hoàn thiện căn cứ áp dụng BPTG theo hướng là vừa kết hợp giữa việc căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội theo loại tội phạm (tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng) với các yếu tố khác về nhân thân người phạm tội, chính sách hình sự và yêu cầu khám phá, giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời.

Kết luận chương 1: Trong chương này, trên sở phân tích các quan điểm, các khái niệm của các nhà khoa học, thì Tác giả đưa ra khái niệm thế nào là BPTG và thế nào là BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Trên cơ sở khái niệm đã đưa ra, Tác giả đã phân tích và nêu ra được các đặc điểm, mục đích và ý nghĩa của BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, cũng như nêu ra những nguyên tắc khi áp dụng chúng. Trong chương này tác giả cũng đã phân tích các quy định pháp luật thực định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm như phân tích đối tượng, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục và thời hạn áp dụng, cũng như có sự đối chiếu so sánh với các quy định pháp luật trước đó về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Sự phân tích, đối chiếu, so sánh này để làm nền tảng cơ sở lý luận cho những nhận xét, đánh giá những ưu khuyết điểm của quy định pháp luật thực định. Trong chương này tác giả cũng đi phân tích quy định pháp luật TTHS về BPTG của một số nước trên thế giới, từ đó Tác giả có những nhận xét và nêu ra các kinh nghiệm cho nước ta về BPTG.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

2.1. Khái quát tình hình áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp

Trước những yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Bộ luật TTHS 1998 cũng bộc lộ nhiều điểm hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới. Chính từ đòi hỏi đó Bộ luật TTHS năm 2003 ra đời, ngày 26/11/2003 tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thông qua. Bộ luật TTHS năm 2003 đã cơ bản hoàn thiện các quy định về các BPNC, trong đó có BPTG, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan THTT, người THTT trong hoạt động TTHS, bảo đảm tốt hơn các quyền và lợi ích chính đáng của công dân khi tham gia vào quá trình TTHS. BPTG là biện pháp nghiêm khắc nhất có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong quá trình tiến hành TTHS. Bộ luật TTHS năm 2003 quy định khá chặt chẽ và có hệ thống các quy định về đối tượng áp dụng, thẩm quyền áp dụng, thủ tục và thời hạn áp dụng biện pháp này. Đồng thời cùng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công cuộc cải cách tư pháp mà công tác vận dụng quy định pháp luật về BPTG vào thực tiễn ngày càng nghiêm minh, chính xác, mang lại hiệu quả hoạt động tố tụng cao, bảo đảm việc ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời các hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Tiếp tục với tinh thần đó và nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu cải cách trong tình hình mới, Bộ luật TTHS năm 2015 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 27/11/2015, sẽ thay thế cho Bộ luật TTHS năm 2003, đây là lần thứ ba pháp điển hóa những quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Trong lần pháp điển hóa thứ ba này, nhiều nguyên tắc tiến bộ, nhiều chế định mới trong Bộ luật TTHS là cụ thể hóa những quy định của Hiến pháp năm 2013 và các Nghị quyết của Đảng nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Vì mới được thông qua chưa

có hiệu lực thi hành nên trong thời gian nghiên cứu đề tài, thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về BPTG của Bộ luật TTHS năm 2015 chưa có, nên tác giả nghiên cứu thực trạng trong thời gian áp dụng theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 tại tỉnh Đồng Tháp.

Đồng Tháp là một tỉnh có đường biên giới giáp với nước Cam-pu-chia, với 12 huyện, thị, thành (gồm 9 huyện, 01 thị xã và 2 thành phố trực thuộc tỉnh) song song với sự phát triển kinh tế thì các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp, tình hình tội phạm ở tỉnh chuyển biến ngày càng phức tạp. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, số vụ án hình sự được thụ lý theo trình tự sơ thẩm trong tỉnh tính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/4/2016 là 4.345 vụ với 7.211 bị can. Trong đó, cấp huyện là 3.866 vụ với 6.304 bị can; cấp tỉnh là 479 vụ với 907 bị can. Trong đó đưa ra xét xử sơ thẩm là 3.879 vụ với 6.265 bị cáo, trong số các bị cáo đưa ra xét xử không có trường hợp nào Tòa án tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt. Phần lớn các vụ án là những vụ án ít nghiêm trọng, trong đó xét xử và áp dụng hình phạt tiền đối với 06 bị cáo, cải tạo không giam giữ đối với 04 bị cáo, cho hưởng án treo là 222 bị cáo và áp dụng hình phạt tù từ 3 năm trở xuống là 4.271 bị cáo, chiếm tỷ lệ 71,87% tổng số bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm; Số bị cáo tuyên áp dụng hình phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm là 1.125 bị cáo, chiếm tỷ lệ 17,96%; Số bị cáo tuyên áp dụng hình phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 506 bị cáo, chiếm tỷ lệ 8,07% và số bị cáo tuyên áp dụng hình phạt tù từ trên 15 năm, chung thân và tử hình là 133 bị cáo, chiếm tỷ lệ 2,1%. Về vấn đề nhân thân của các bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm, thì trong đó có 147 bị cáo thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chiếm 2,35%; Số bị cáo có nghiện ma túy là 69 bị cáo chiếm 1,1%; Số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 25 bị cáo chiếm 0,4%, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi là 300 bị cáo chiếm 4,8% trên tổng số bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm trong tỉnh. Trong 6.265 bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm thì số bị cáo bị đưa ra xét xử lưu động là 1.095 bị cáo chiếm tỷ lệ là 17,45% [30].

Hầu hết các trường hợp áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đều có căn cứ, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự thủ tục khi áp dụng BPTG, tình trạng tạm giam quá

hạn không còn tồn tại, đảm bảo quyền và lợi ích cơ bản của bị can, bị cáo, không có trường hợp nào khiếu nại, tố cáo đến vấn đề tạm giam khi được Tòa án hai cấp trong tỉnh áp dụng. Những người phân công làm nhiệm vụ luôn đặt lợi ích của người bị áp dụng BPTG lên hàng đầu, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, nhất trí hoàn thành nhiệm vụ.

Theo báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong năm 2015 tổng số vụ án tòa án hai cấp trong tỉnh đã thụ lý là 945 vụ với 1.524 bị can. Trong năm đưa ra xét xử 807 vụ với 1.244 bị cáo, trong đó xét xử lưu động là 256 bị cáo. Trong số bị can, bị cáo đã thụ lý mà Tòa án áp dụng BPTG là 1.325 bị can, bị cáo chiếm tỷ lệ là 86,9% số bị can, bị cáo đã thụ lý vụ án. 100% các vụ án xét xử lưu động đều áp dụng BPTG bị cáo[30]. Trong đó:

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý 96 vụ với 198 bị can, trong năm đưa ra xét xử 60 vụ với 106 bị cáo, trong đó xét xử lưu động là 03 bị cáo. Trong số bị can, bị cáo đã thụ lý mà Tòa án tỉnh áp dụng BPTG là 188 bị can, bị cáo chiếm tỷ lệ là 95% số bị can, bị cáo đã thụ lý vụ án. Trong đó không có trường hợp nào mà Tòa án ra lệnh bắt và tạm giam, có 01 trường hợp bị cáo được Tòa án thay đổi BPTG thành biện pháp bảo lãnh và không có trường hợp nào Tòa án hủy bỏ BPTG (trừ trường hợp vụ án được đình chỉ).

Các Tòa án cấp huyện thụ lý 849 vụ với 1.326 bị can, trong năm đưa ra xét xử 747 vụ với 1.138 bị cáo, trong đó xét xử lưu động là 253 bị cáo. Trong số bị can, bị cáo đã thụ lý mà Tòa án áp dụng BPTG là 1.137 bị can, bị cáo chiếm tỷ lệ là 85,7% số bị can, bị cáo đã thụ lý vụ án. Trong đó có 38 bị can, bị cáo là Tòa án ra lệnh bắt và tạm giam chiếm tỷ lệ là 2,86% số bị can bị truy tố và có 09 bị can được Tòa án cấp huyện thay đổi BPTG thành BPNC khác, không có trường hợp nào Tòa án hủy bỏ BPTG (trừ trường hợp vụ án bị đình chỉ).

Theo thống kê báo cáo của Tòa án tỉnh thì số vụ án và số bị can, bị cáo thụ lý các năm liền kề của năm 2015 cũng không thay đổi gì lớn và tỷ lệ số bị can, bị cáo áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG cũng không có thay đổi nhiều.

Từ số liệu trên cho ta thấy, tỷ lệ số bị can, bị cáo bị Tòa án áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là rất lớn, chiếm tỷ lệ khá cao là từ trên 85% trên tổng số bị can, bị cáo Tòa án thụ lý giải quyết, 100% các vụ án xét xử lưu động thì Tòa án hai cấp trong tỉnh đều áp dụng BPTG. Tỷ lệ bị can, bị cáo tại ngoại để xét xử còn ít và cũng như áp dụng các BPNC khác chiếm tỷ lệ không nhiều. Đây cũng là thực trạng chung của nhiều tỉnh thành trong cả nước, không chỉ riêng ở Đồng Tháp. Điều này đã gây áp lực rất lớn đến công tác quản lý người bị tạm giam tại các trại tạm giam và nhà tạm giữ, tạo gánh nặng không nhỏ cho ngân sách Nhà nước và các hệ lụy khác cho xã hội. Việc áp dụng BPTG quá nhiều bên cạnh những mặt tích cực như phân tích trình bày ở trên thì đã gây ra không ít những mặt tiêu cực cho Nhà nước và xã hội như: Chi phí xây dựng nhà tạm giam, cán bộ quản lý, chi phí quản lý, cung cấp nhu cầu sinh hoạt cho người bị tạm giam, xã hội mất đi một phần sức lao động của người bị tạm giam và người thân thích của họ tinh thần suy giảm, lo âu vì với tâm lý chung của người dân là có giam là sẽ ở tù vì thế những người bị tạm giam thường đã được nhìn nhận là người không tốt, biện pháp này cũng là biện pháp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người nhất.... Tại sao BPTG là một trong những BPNC, còn có nhiều biện pháp khác và BPTG là biện pháp nghiêm khắc nhất trong các BPNC, khi áp dụng phải căn nhắc thật kỹ trước khi áp dụng và là biện pháp áp dụng cuối cùng khi các BPNC khác không có hiệu quả, nhưng BPTG lại có tỷ lệ áp dụng trong thực tiễn cao nhất. Đây là câu hỏi cần phải xem xét trả lời một cách có căn cứ, khoa học và toàn diện, để tìm ra những giải pháp khắc phục những mặt đang còn tồn tại trong việc áp dụng BPTG trọng thực tiễn thi hành pháp luật ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cả nước ta hiện nay nói chung.

2.2. Những vướng mắc việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp

Pháp luật TTHS đã quy định khá chặt chẽ và rõ ràng về trình tự thủ tục áp dụng BPTG trong các giai đoạn tố tụng, cũng như trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, khi áp dụng trên thực tế vẫn còn những khó khăn, vướng mắc sau:

Thứ nhất, theo quy định thì chỉ có Chánh án hoặc Phó chánh án mới có thẩm quyền áp dụng BPTG, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa không ra được quyết định áp dụng BPTG, mà chỉ được áp dụng các BPNC khác. Trong khi đó, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa là người trực tiếp nghiên cứu hồ sơ vụ án, là người nắm rõ nhất về các tình tiết và nội dung của vụ án nhưng theo quy định thì họ chỉ có quyền đề nghị, còn quyền quyết định áp dụng hay không áp dụng thuộc về Chánh án hoặc Phó chánh án. Đôi khi việc đề nghị này chỉ là hình thức, điều này gây ra nhiều khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, làm cho hồ sơ vụ án thêm phần thủ tục tổ tụng không cần thiết. Trong trường hợp khi lệnh tạm giam của VKS hoặc CQĐT đã gần hết hoặc đã hết và Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa xét thấy cần thiết phải áp dụng BPTG đối với bị can, bị cáo đó nhưng Chánh án và các Phó chánh án không có mặt ở cơ quan do bận đi công tác xa và dài ngày thì đã gây ra không ít khó khăn cho việc áp dụng BPTG. Nếu Chánh án và các Phó chánh án đi công tác dài ngày mà lệnh tạm giam đã hết và cần tiếp tục tạm giam thì Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa không biết xử lý sao, nếu chờ Chánh án và Phó chánh án về thì thời hạn tạm giam đã hết, mà không có lệnh tạm giam thì bị can, bị cáo sẽ được tại ngoại thì hậu quả có thể xảy ra nếu không giam bị can, bị cáo. Trong trường hợp này thì thường Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa sẽ báo cáo tình hình với Chánh án hoặc Phó chánh án sự việc và nhờ VKS và Cơ quan công an tiếp tục tạm giam bị cáo cho tới khi Chánh án, Phó chánh án trở về và ra lệnh tạm giam. Vậy trong trường hợp này bị can, bị cáo bị tạm giam mà không có lệnh, điều này vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng, ảnh hưởng tới quyền lợi của bị can, bị cáo. Đây là vướng mắc về thẩm quyền áp dụng BPTG trong thực tiễn áp dụng cần được tháo gỡ.

Thứ hai, thẩm quyền áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là thẩm quyền riêng của Tòa án nhưng Tòa án chỉ dựa vào hồ sơ vụ án do VKS truy tố chuyển qua để xem xét đánh giá các căn cứ để áp dụng BPTG. Trong khi VKS là cơ quan có chức năng buộc tội, những chứng cứ có trong hồ sơ thường là những chứng cứ để chứng minh sự buộc tội của VKS và CQĐT, ít có các chứng cứ gỡ tội cho bị can, bị cáo, nếu có cũng thường là những chứng cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị can, bị cáo và trong hồ sơ vụ án cũng có ít các căn cứ chứng minh cho việc áp dụng

BPTG của CQĐT và VKS. Vì vậy, khi áp dụng BPTG, Tòa án lệ thuộc vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, điều này gây khó khăn cho Tòa án khi tìm hiểu các căn cứ cho việc áp dụng BPTG. Trong trường hợp này, Tòa án không thể trả hồ sơ vụ án để VKS hoặc CQĐT để điều tra bổ sung vì lý do thiếu căn cứ để áp dụng BPTG. Vì vậy Tòa án vẫn xem xét áp dụng hay không áp dụng BPTG trên những tài liệu chứng cứ mà hồ sơ vụ án thể hiện.

Thứ ba, đối với trường hợp bị can, bị cáo bị truy tố về tội ít nghiêm trọng mà có mức hình phạt tù cho tội đó dưới hai năm thì không thể áp dụng BPTG đối với họ vì bất cứ lý do gì. Trên thực tế, số người phạm tội ở khung hình phạt dưới hai năm trên địa bàn cũng chiếm có, các đối tượng này chủ yếu phạm những tội ít nghiêm trọng. Nhiều bị can, bị cáo trong trường hợp nêu trên được tại ngoại, sau khi họ nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã bỏ trốn, mà hồ sơ vụ án chưa đủ điều kiện để xét xử vắng mặt họ, gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác giải quyết vụ án, vì theo quy định của Bộ luật TTHS thì không có căn cứ để áp dụng BPTG với họ.

Thứ tư, về tạm giam bị cáo trong trường hợp HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng lệnh tạm giam đã hết. Sau khi đã ra lệnh tạm giam bị cáo cho đến khi kết thúc phiên tòa, Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử bị cáo theo quy định nhưng tại phiên tòa lại phát sinh tình tiết mới, tình tiết này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tội danh của bị cáo mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Do vậy, HĐXX quyết định phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định. Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung của HĐXX được xem là đã kết thúc phiên tòa, chuyển sang một giai đoạn tố tụng của VKS và CQĐT. Sau khi phiên tòa chấm dứt, công việc lúc này của Tòa án là chuyển hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung theo yêu cầu của HĐXX. Tuy nhiên, để đưa hồ sơ sang VKS, không phải lúc nào cũng có thể nhanh chóng trong một buổi hoặc một ngày, vì có nhiều vụ án phức tạp có hàng ngàn bút lục. Để trả hồ sơ, Tòa án phải sắp xếp các bút lục theo đúng quy định và hoàn thiện các thủ tục trong hồ sơ vụ án để bàn giao cho VKS, công việc này trong nhiều vụ án cũng phải mất khá nhiều thời gian. Vấn đề đặt ra lúc này là khi hồ sơ chưa được chuyển giao cho VKS thì bị cáo đang bị tạm giam nhưng lại không có lệnh tạm giam. Hoặc

trường hợp HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung vụ án cho VKS lại rơi vào chiều ngày thứ sáu, sau khi nhận hồ sơ, VKS không chấp nhận việc trả hồ sơ của Tòa nên làm ngay công văn và đưa hồ sơ trở lại Tòa án và không ra lệnh tạm giam. Như vậy, trong cả hai trường hợp trên, bị cáo vẫn bị tạm giam nhưng không có quyết định tạm giam hoặc lệnh tạm giam. Đây là vấn đề bất cập trong thời gian qua và việc giam bị cáo trong các trường hợp này đã vi phạm nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, vi phạm quy định không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án hoặc phê chuẩn của VKS.

Thứ năm, một bị can đang bị tạm giam để điều tra vụ án rất nghiêm trọng và có tình chất phức tạp nên chưa truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử được. Trong quá trình điều tra phát hiện bị can này phạm một tội mới ít nghiêm trọng và không liên quan gì tới vụ án đang điều tra, vì bị can đang bị tạm giam nên CQĐT không ra lệnh tạm giam đối với bị can này về tội ít nghiêm trọng. Sau khi hoàn tất hồ sơ vụ án ít nghiêm trọng của bị can thì VKS quyết định truy tố bị can trước Tòa án để xét xử vụ án thuộc tội ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Tòa án cũng không ra lệnh tạm giam đối với bị can vì bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Sau khi nghiêm cứu vụ án Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo mà VKS truy tố với tội ít nghiêm trọng. HĐXX tuyên phạt bị cáo hình phạt tù giam, không cho hưởng án treo. Vậy trong trường hợp này trong bản án tuyên Tòa án có trừ đi thời gian mà bị cáo đó bị tạm giam trước đó của tội rất nghiêm trọng không? Nếu trừ thì có đảm bảo đúng quy định pháp luật không, còn không trừ thì có ảnh hưởng tới quyền lợi của bị cáo đó không? Đây cũng là những vướng mắc trong thực tiễn khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và có nhiều ý kiến, quan điểm xoay quanh vấn đề này. Trong trường hợp này ý kiến của tác giả là khi HĐXX tuyên phạt bị cáo hình phạt tù giam, không cho hưởng án treo đối với tội ít nghiêm trọng, thì thời hạn chấp hành hình phạt tù phải trừ đi thời hạn mà bị cáo đó đã bị tạm giam trước đó của tội rất nghiêm trọng, như vậy mới đảm bảo quyền và lợi ích của bị cáo đó. Tại vì không phải các Cơ quan TTHT không áp dụng BPTG đối với bị can, bị cáo đó về tội ít nghiêm trọng mà là do bị can, bị cáo này đã bị tạm giam rồi nên không áp dụng BPTG, vì áp dụng sẽ trùng lên lệnh tạm giam trước đó. Vụ

án rất nghiêm trọng đang trong quá trình điều tra chưa đưa ra xét xử nên chưa biết bị can, bị cáo đó có phạm tội hay không, nếu bị can, bị cáo đó được Tòa án tuyên không phạm tội hoặc áp dụng hình phạt tù nhưng thời gian chấp hành hình phạt ít hơn thời hạn bị tạm giam thì giải quyết sao. Vì vậy việc trừ thời hạn tạm giam của bị cáo đó của tội rất nghiêm trọng cho thời hạn chấp hành phạt tù của bị cáo đó của tội ít nghiêm trọng là hợp lý và không xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo đó.

Thứ sáu, việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử là thuộc thẩm quyền riêng của Tòa án, từ khi Tòa án nhận được hồ sơ của VKS chuyển qua thì trong quá trình nghiên cứu hồ sơ của vụ án, Tòa án xét thấy nếu cần thiết phải áp dụng BPTG thì Tòa án ra lệnh tạm giam tiếp theo lệnh tạm giam của VKS hay CQĐT nếu bị can, bị cáo này trước đó bị tạm giam, còn trước đó không bị tạm giam thì Tòa án ra lệnh bắt và tạm giam bị can, bị cáo để tạm giam hoặc có thể thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG trước đó mà CQĐT hoặc VKS đã áp dụng. Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG này, Tòa án cũng cần có một thời gian để nghiên cứu vì biện pháp này là BPNC nghiêm khắc nhất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, vì vậy cần cần nhắc kỹ, nghiên cứu toàn diện vụ án trước khi vận dụng, nhưng trên thực tế có nhiều trường hợp thời gian này không đảm bảo cho Tòa án, vì không có cơ chế nào ràng buộc thời gian mà VKS chuyển hồ sơ qua Tòa án. Theo trình tự thì cán bộ được phân công của Tòa án sẽ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ của VKS, nếu hồ sơ đầy đủ các thủ tục theo quy định và thời hạn tạm giam bị can còn thì phải thụ lý ngay, hồ sơ này sẽ được chuyển cho Chánh án nghiên cứu, xem xét và trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thụ lý Chánh án phải phân công một Thẩm phán làm Chủ tọa phiên tòa để nghiên cứu hồ sơ vụ án đó. Vì vậy quá trình thụ lý và phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thì cũng mất một thời gian nhất định. Tại Điều 244 Bộ luật TTHS năm 2015 có quy định là trong trường hợp vụ án có bị can bị tạm giam thì trước khi hết hạn tạm giam 07 ngày thì VKS thông báo cho Tòa án biết xem xét, quyết định việc tạm giam bị can khi nhận hồ sơ. Quy định này không ràng buộc thời hạn giao hồ sơ vụ án với thời hạn tạm giam còn lại của bị can, vì khi ra bản cáo trạng thì VKS có thời hạn tổng cộng là 10 ngày để giao bản cáo trạng và hồ sơ cho Tòa án.

Trong trường hợp hồ sơ vụ án của VKS chuyển qua mà thời hạn tạm giam bị can chỉ còn 01 hoặc 02 ngày hoặc hết thời hạn tạm giam (trường hợp VKS không còn quyền gia hạn thời hạn tạm giam nữa) thì thời hạn cho Chủ tọa phiên tòa nghiên cứu hồ sơ vụ án để xem xét đề nghị áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG là quá gấp, vì có những vụ án có tính chất phức tạp cao, nhiều bị can, bị cáo, vì vậy sẽ không đảm bảo được tính chính xác khi Tòa án áp dụng BPTG. Có thể cũng có trường hợp là VKS chỉ thông báo cho Tòa án biết là vụ án có bị can bị tạm giam khi thời hạn tạm giam còn lại 07 ngày mà không giao hồ sơ vụ án cho Tòa án, vì VKS có thời hạn là 10 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng mới chuyển hồ sơ. Trong trường hợp này Tòa án không được quyền từ chối không nhận hồ sơ vì thời hạn tạm giam gần hết hoặc đã hết, không đủ thời gian để nghiên cứu áp dụng BPTG. Đây cũng là vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn và phải cần có hướng tháo gỡ và cần phải có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể việc này.

Trên đây là những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Những khó khăn, vướng mắc này phát sinh do nhiều nguyên nhân khác nhau và cần phải nghiên cứu, tháo gỡ, để việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đạt hiệu quả cao nhất trong thời gian sắp tới.

2.3. Các vi phạm của việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp

2.3.1. Vi phạm về đối tượng bị áp dụng

Tình trạng lạm dụng BPTG còn xảy ra, vì muốn giải quyết vụ án hình sự được nhanh chóng, thuận tiện cho việc tổng đạt các văn bản tố tụng nên đôi lúc Tòa án có tư tưởng và nhầm tưởng nên đã đồng nhất việc giải quyết vụ án với việc tạm giam bị can, bị cáo. Điều này dẫn đến sự vi phạm nghiêm trọng về đối tượng tạm giam, đáng lẽ là họ không phải bị tạm giam. Số bị can, bị cáo bị tạm giam chiếm tỷ lệ cao trong số bị can, bị cáo bị truy tố, nhưng với đặc điểm là một tỉnh có tỷ lệ các bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng cao nhất so với các tội khác, nhưng số bị can, bị cáo bị tạm giam chiếm tỷ lệ cao cho thấy tâm lý có khởi tố, truy tố là có

giam, nên đối tượng nào bị khởi tố, truy tố cũng đều có thể bị giam. Nhiều trường hợp không cần thiết tạm giam nhưng cũng áp dụng BPTG. Việc tạm giam đôi khi chỉ phụ vụ cho việc xét xử lưu động của Tòa án, số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp từ năm 01/10/2011 cho đến 30/4/2016 Tòa án hai cấp đã đưa ra xét xử lưu động là 1.095 bị cáo chiếm tỷ lệ là 17,45% trên tổng số bị cáo được đưa ra xét xử sơ thẩm và 100% các vụ án đưa ra xét xử lưu động thì bị cáo đó đều bị áp dụng BPTG. Việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, Tòa án chỉ lấy mục đích xét xử lưu động của mình mà tạm giam bị cáo, đảm bảo cho việc xét xử lưu động thành công, các vụ án đưa ra xét xử lưu động thường là vụ án ít nghiêm trọng, nhằm để tuyên truyền, giáo dục pháp luật, còn đối với những vụ án nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng ít đưa ra xét xử lưu động vì Tòa án ngại các thủ tục tố tụng rườm rà và đôi khi không thể tuyên án được vì những vụ án này có tính phức tạp cao. Bị cáo trong các vụ án ít nghiêm trọng thường có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu (theo thống kê từ ngày 01/10/2011 đến 30/4/2016 chỉ có 147 bị cáo thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chiếm 2,35% tổng số bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm). Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh họ có dấu hiệu bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động xét xử. Việc tạm giam này không cần có căn cứ rõ ràng, trong các hồ sơ vụ án được khảo sát đối với tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng thì đa phần các hồ sơ đều không có chứng cứ nào để chứng minh cho căn cứ áp dụng BPTG của Tòa án cũng như của các cơ quan THTT trước đó.

2.3.2. Vi phạm về căn cứ áp dụng

Khi hồ sơ từ VKS chuyển qua, đa phần nếu các Cơ quan THTT trước đó đã áp dụng BPTG thì Tòa án sẽ áp dụng BPTG tiếp theo, không cần nghiên cứu hồ sơ vụ án kỹ. Khi thấy có lệnh tạm giam trước đó thì sẽ ra lệnh tạm giam tiếp theo khi lệnh tạm giam trước đó không còn thời hạn mà không xem xét đến thực tế biện pháp này có còn cần thiết hay không. Vi phạm này xuất phát từ tâm lý sợ trách nhiệm, tại sao các giai đoạn tố tụng trước đó tạm giam mà tới giai đoạn xét xử vì sao Tòa án không tạm giam để cho bị can, bị cáo tại ngoại bỏ trốn, tiếp tục phạm tội, gây khó khăn cho các hoạt động tố tụng sau này, nên mỗi khi các cơ quan trước

đó áp dụng BPTG là Tòa án sẽ áp dụng BPTG tiếp theo, cho dù bị can, bị cáo đó có nhân tốt, nơi ở ổn định, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có dấu hiệu tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho công tác xét xử của Tòa án. Theo thông kê năm 2015 thì chỉ có khoảng 0,7% Tòa án thay đổi, hủy bỏ BPTG mà trước đó bị can đã bị các cơ quan khác áp dụng BPTG, đa phần các trường hợp này là những trường hợp đặc biệt như bị can, bị cáo đó trong lúc tạm giam bị bệnh nặng cần phải tại ngoại để người thân chăm sóc. Việc tạm giam không có căn cứ rõ ràng, theo khảo sát thực tế trong 100 hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm có khoảng 80% trong hồ sơ không có tài liệu nào nêu ra căn cứ để Tòa án áp dụng BPTG. Theo các mẫu biểu về việc áp dụng BPTG trong TTHS do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định cũng không có nêu mục căn cứ cụ thể nào khi áp dụng BPTG, mà chỉ nói chung chung là xét thấy cần thiết để đảm bảo cho việc xét xử hoặc thi hành án.

Việc tạm giam thiếu những căn cứ cần thiết không những chỉ xảy ra trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mà còn xảy ra sau khi phiên tòa xét xử sơ thẩm, HĐXX áp dụng BPTG đối với bị cáo nếu bị cáo bị phạt tù nhưng đến ngày kết thúc phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết hoặc trong trường hợp bị cáo không bị tạm giam trước đó nhưng bị phạt tù thì HĐXX có thể ra quyết định bắt tạm giam ngay bị cáo để bảo đảm việc thi hành án. Trong nhiều trường hợp, HĐXX không xem xét đến các căn cứ khác, mặc dù không có chứng cứ nào chứng minh cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội, trong hồ sơ cũng không thể hiện các căn cứ này một cách đầy đủ nhất và trong quyết định tạm giam của HĐXX cũng không nêu ra căn cứ cụ thể áp dụng BPTG, mà chỉ nêu chung chung là đảm bảo cho việc thi hành án sau này, với tâm lý là có tù thì phải giam. Điều này ảnh hưởng tới quyền lợi của bị cáo, vì bản án sơ thẩm đã tuyên không có hiệu lực thi hành ngay, bị cáo có thể kháng cáo đối với bản án này nếu xét thấy bản án tuyên không đúng, không phù hợp, nhưng việc tạm giam đối với họ đã gây cho họ và người thân có tâm lý là coi như họ đã bị phạm tội rồi, khi tạm giam họ thì đã hạn chế quyền tìm kiếm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự kháng cáo của mình, vì họ đã bị tạm giam ngay khi HĐXX tuyên án. Họ chỉ biết dựa vào người thân hoặc người bào chữa của mình để tìm

kiểm những chứng cứ chứng minh ngoại phạm, nhưng những người này không thể hiểu rõ nội dung vụ án bằng người đã bị tuyên án và tạm giam.

Vấn đề tạm giam không có căn cứ và lạm dụng BPTG này cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng Tòa án khi áp dụng hình phạt hoặc không “dám” tuyên bị cáo vô tội hoặc hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù vì đã “lỡ” giam bị cáo rồi. Vì nếu tuyên không phạm tội hoặc hình phạt khác không phải là tù giam thì sợ bị cáo khiếu nại tố cáo, bồi thường thiệt hại. Khi truy xét ra thì cơ quan nào áp dụng BPTG sai thì cơ quan đó phải bồi thường, gây ra nhiều khó khăn vướng mắc sau này. Vì vậy tỷ lệ bản án tuyên không phạm tội hoặc hình phạt khác hình phạt tù rất ít. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì trong thời gian từ 01/10/2011 cho tới 30/4/2016 thì Tòa án tuyên không phạm tội là 00 bị cáo, áp dụng hình phạt khác không phải hình phạt tù như áp dụng hình phạt tiền đối với 06 bị cáo; cải tạo không giam giữ đối với 04 bị cáo, chiếm tỷ lệ rất nhỏ là 0,16% trên tổng số bị cáo đưa ra xét xử. Vậy việc lạm dụng BPTG đã làm cho hình phạt tù được áp dụng phổ biến, khi xem xét tới hình phạt để áp dụng thì Tòa án sẽ nghĩ ngay tới hình phạt tù, trong khi pháp luật quy định có cả hệ thống hình phạt với nhiều hình phạt có tính nghiêm khắc khác nhau.

2.3.3. Vi phạm về thủ tục áp dụng

Theo quy định pháp luật khi áp dụng BPTG, thì tùy theo trường hợp Tòa án ra lệnh tạm giam, lệnh bắt và tạm giam hoặc quyết định tạm giam. Các lệnh, quyết định này phải gửi cho bị can, bị cáo bị áp dụng, VKS và cơ sở giam giữ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra lệnh, quyết định áp dụng. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp Tòa án không giao cho bị can, bị cáo bị áp dụng, mà chỉ giao cho VKS và cơ sở giam giữ, vì cho rằng trước đây bị can, bị cáo đó đã bị áp dụng BPTG trong giai đoạn điều tra, truy tố rồi và họ đã biết mình bị tạm giam và không có phản ứng hay khiếu nại gì. Điều này ảnh hưởng tới quyền của bị can, bị cáo bị áp dụng, vì họ cũng có quyền biết được mình bị áp dụng BPNC nào, cơ quan nào áp dụng, thời hạn áp dụng là bao lâu, tạm giam tại đâu...

Việc áp dụng BPTG thiếu căn cứ và không đảm bảo đúng trình tự thủ tục cho nên có tình trạng là bản án tuyên áp dụng hình phạt tù cho bị cáo đúng bằng với thời gian mà bị cáo đó bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, điều này làm người dân và bị cáo có sự nghi ngờ về tính chuẩn mực của bản án đã tuyên, cho rằng bản án tuyên cố tình để hợp thức hóa thời gian đã bị tạm giam. Thực tế trên địa bàn tỉnh không khi nào bản án tuyên hình phạt tù mà có mức án thấp hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam trước đó, chỉ có bằng hoặc cao hơn. Như vậy, người dân có quyền nghi ngờ rằng là giả sử nếu bị cáo bị tạm giam thêm một thời gian nào đó nữa Tòa mới xét xử, thì khi xét xử Tòa cũng tuyên mức án bằng thời gian tạm giam hay sao. Điều này tạo cho người dân không tin vào sự chuẩn mực của bản án, vì một bản án được tuyên là nhân danh cho Nhà nước, phán quyết số phận và nhân thân của một con người có tội hay không có tội và áp dụng hình phạt đối với họ. Tạm giam oan sai có thể dẫn đến các hệ lụy tai hại không lường, dù người bị oan sai có thể được bồi thường vật chất theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật số 35/2009/QH12 ngày 18-6-2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2010), nhưng không có gì có thể bù đắp được những tổn hại tinh thần mà họ đã phải gánh chịu. Biết rằng việc áp dụng hình phạt gì, mức phạt bao nhiêu là quyền của HĐXX, Bản án tuyên không sai với các quy định pháp luật và đúng với bản Cáo trạng của VKS truy tố, nhưng xem xét tới cùng thì có điều gì đó thiếu sự chuẩn mực ở đây.

Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG là thuộc thẩm quyền của Chánh án hoặc Phó chánh án với sự tham mưu, đề nghị của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, người được Chánh án phân công tham gia giải quyết vụ án đó, thế nhưng trong thực tế việc này không thực hiện được đúng quy trình như vậy. Đối với các Tòa án cấp huyện thì lượng án không nhiều, công việc chuyên môn khác cũng ít nên sau khi thụ lý vụ án thì Chánh án sẽ có thể phân công ngay một Thẩm phán làm Chủ tọa phiên tòa để nghiên cứu hồ sơ và đề xuất áp dụng BPTG. Đối với Tòa án cấp tỉnh thì việc này nhiều gặp khó khăn, lượng án nhiều và các công việc chuyên môn liên quan khác thuộc thẩm quyền cũng nhiều, nên thực hiện theo quy trình này không được đảm bảo. Thực tế là khi nhận được hồ sơ vụ án từ VKS chuyển qua thì bộ phận tiếp nhận của Tòa án cấp tỉnh sẽ vào sổ thụ lý và tự xem xét thời hạn tạm giam của bị

can, nếu lệnh tạm giam gần hết thì sẽ tự soạn một lệnh tạm giam mới, nói tiếp theo lệnh tạm giam trước đó của VKS hoặc CQĐT, không cần Chủ tọa phiên tòa nghiên cứu theo quy định và tự trình cho Chánh án hoặc Phó chánh án ký cùng với lúc với việc trình hồ sơ vụ án để phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa không làm việc này, điều này vi phạm quy định pháp luật là Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa mới có quyền đề nghị Chánh án hoặc Phó Chánh án áp dụng BPTG. Việc vi phạm này dẫn đến tình trạng lạm dụng việc tạm giam, khi không xem xét kỹ tính cần thiết để áp dụng BPTG. Điều này ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người bị tạm giam, khi họ không được Tòa án xem xét áp dụng BPTG một cách đầy đủ và đúng pháp luật.

2.3.4. Vi phạm về thời hạn áp dụng

Trong trường hợp một vụ án hình sự có nhiều bị can, mỗi bị can bị truy tố một tội khác nhau, trong đó có bị can bị truy tố về tội ít nghiêm trọng, có bị can bị truy tố tội nghiêm trọng và có bị can bị truy tố phạm tội rất nghiêm trọng. Vì vậy, trong trường hợp này việc áp dụng BPTG ở nhiều Tòa gặp nhiều lúng túng và có sự vi phạm thời hạn tạm giam. Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự thì tùy theo tội danh mà VKS truy tố của vụ án đó, thời hạn chuẩn bị xét xử phải phù hợp theo quy định pháp luật. Giả sử trong vụ án có bị can bị truy tố phạm tội nghiêm trọng, có bị can bị truy tố tội ít nghiêm trọng thì thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án này là thời hạn của tội nghiêm trọng là 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, chưa tính thời hạn gia hạn. Vậy trong trường hợp này thì Tòa án ra lệnh tạm giam đối với bị can phạm tội ít nghiêm trọng là như thế nào cho phù hợp, có Tòa thì ra lệnh tạm giam đối với bị can phạm tội ít nghiêm trọng bằng với bị can phạm tội nghiêm trọng, vì cho rằng hai bị can này cùng chung trong một vụ án, nên thời hạn chuẩn bị xét xử giống nhau nên thời hạn tạm giam cũng giống nhau, có Tòa thì áp dụng BPTG cho từng bị can theo thời hạn của loại tội mà họ bị truy tố. Theo quy định của Bộ luật TTHS, thời hạn tạm giam được xác định cụ thể từng bị can, bị cáo, ở từng giai đoạn tố tụng. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn khá nhiều trường hợp tạm giam quá hạn, nhất là ở một số vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, có nhiều bị can, truy tố nhiều tội khác nhau.

Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của người bị tạm giam, gây mất lòng tin của quần chúng nhân dân vào cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng BPTG.

Trên thực tế cũng có những trường hợp Tòa án còn vi phạm là khi thụ lý vụ án có tính chất phức tạp cao, trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án không đưa vụ án ra xét xử được vì vụ án cần nhiều thời gian nghiên cứu, cũng không quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được vì không có căn cứ, mà cứ “ngâm” cho đến khi thấy thời hạn tạm giam của bị cáo đã hết thì ra lệnh “tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa”. Còn ngày nào mở phiên tòa không cần biết, phiên tòa diễn ra một ngày hay nhiều ngày không quan tâm. Ra lệnh tạm giam xong là không còn lo vi phạm tố tụng. Lệnh tạm giam kiểu này thực chất là “tạm giam vô thời hạn”. Do đó, việc hiểu và áp dụng đúng quy định về tạm giam bị cáo cho đến khi kết thúc phiên tòa là rất cần thiết, không chỉ với các tòa án mà cả với bị cáo. Đây là những vi phạm về thời hạn tạm giam trong quá trình áp dụng pháp luật về BPTG.

2.4. Nguyên nhân của những vướng mắc và vi phạm trong việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Mặc dù không ngừng được hoàn thiện dần qua những đợt pháp điển hóa, nhưng thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật TTHS về BPTG trong thời gian qua cho thấy, vẫn còn có những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật cũng như nhận thức của người TTHT về áp dụng biện pháp này. Đó là việc tạm giam bị can, bị cáo một cách tràn lan, tùy tiện thiếu căn cứ. Sử dụng BPTG như là một biện pháp nghiệp vụ điều tra, phá án và xét xử; tạm giam bị can, bị cáo với thời hạn quá dài... Những sai sót đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phần nào dẫn đến hạn chế đi mục đích cần đạt được của TTHS nói chung và BPTG nói riêng, làm suy giảm niềm tin của người dân đối với tính tôn nghiêm của pháp luật.

2.4.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, về công tác xây dựng pháp luật: Bộ luật TTHS năm 2015 ra đời đánh dấu bước phát triển mới về kỹ thuật lập pháp nói chung đồng thời dần hoàn thiện các quy định về chế định BPTG nói riêng. Tuy nhiên, việc áp dụng BPNC này

trên thực tế hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc mà nguyên nhân chủ yếu là do các quy định của pháp luật tố tụng về BPTG còn có những bất cập nhất định. Qua nghiên cứu các quy định về BPTG trong Bộ luật TTHS năm 2015, tác giả xét thấy còn nhiều điểm bất cập. Cụ thể như khái niệm BPTG hiện nay vẫn chưa được đề cập đến trong quy định pháp luật dẫn đến có nhiều cách hiểu và nhận thức khác nhau về vấn đề này. Vấn đề đối tượng áp dụng BPNC trong đó có BPTG luật vẫn chưa dự liệu hết trong thực tế. Hiện nay, Bộ luật TTHS năm 2015 chỉ quy định đối tượng bị áp dụng BPTG là bị can, bị cáo, tuy nhiên trên thực tế những đối tượng không phải là bị can, bị cáo nhưng vẫn phải áp dụng BPTG đó là những đối tượng bị tuyên án phạt tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình đã hết thời hạn tạm giam và chưa được thi hành ngay thì phải tạm giam để chờ thi hành án. Vì thế, khi xây dựng khái niệm BPTG trong TTHS cần thiết phải ghi nhận nhóm đối tượng này. Cũng vấn đề này Bộ luật TTHS năm 2015 chưa lường hết đối tượng cần phải tạm giam đối với bị can, bị cáo phạm một tội mà BLHS quy định mức hình phạt tù dưới 2 năm nếu họ có một trong những hành vi như họ tiêu hủy chứng cứ; họ tiếp tục phạm tội; Không có nơi cư trú rõ ràng thường xuyên trên lãnh thổ Việt Nam; Không xác định được nhân thân đối tượng; họ đã vi phạm khi thực hiện BPNC trước đó đã áp dụng; họ đã trốn tránh CQĐT, VKS hoặc Tòa án, việc chưa luật hóa các nội dung này làm hạn chế hiệu quả áp dụng BPTG.

Vấn đề về căn cứ tạm giam, căn cứ áp dụng BPTG đối với bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng chỉ dựa vào sự phân loại tội phạm mà không kèm theo bất cứ điều kiện gì là thiếu chặt chẽ, chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến tình trạng lạm dụng việc tạm giam và việc tạm giam còn nhiều. Cơ quan THTT lấy tạm giam để làm biện pháp điều tra, khám phá tội phạm và thủ tục xét xử, tạo cho các Cơ quan THTT có tính ỷ lại trong hoạt động tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án, cũng là nguyên nhân lạm dụng áp dụng BPTG trên thực tế. Khi ban hành các mẫu văn bản tố tụng để thống nhất khi áp dụng BPTG thì trong các mẫu này chưa có mục nêu ra căn cứ cụ thể, chỉ nêu ra căn cứ chung chung, việc này cũng tạo sự tùy tiện áp dụng BPTG.

Pháp luật về TTHS nói chung và các quy định về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng ở nước ta còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất và toàn diện như đối với căn cứ áp dụng BPTG đối với người bị buộc tội từ 16 đến dưới 18 tuổi không khác gì đối với người từ 18 tuổi trở lên. Cụ thể tại khoản 3 Điều 119 quy định “Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã” và tại khoản 4 Điều 419 quy định “4. Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

Theo quy định Bộ luật TTHS năm 2015 thì thời hạn tạm giam đối với các đối tượng người bị buộc tội dưới 18 tuổi là bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng, vì thời hạn chuẩn bị xét xử đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi quy định chung với người đủ 18 tuổi trở lên. Vì thế trong trường hợp khi còn thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa chưa thể ra được quyết định đưa vụ án ra xét xử mà thời hạn tạm giam của người bị buộc tội dưới 18 tuổi đã hết và Tòa án không thể ra lệnh tạm giam mới cho đến khi kết thúc phiên tòa vì thẩm quyền này đã được pháp luật giao cho HĐXX, mà vụ án chưa được ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nên chưa có HĐXX. Trường hợp này phải cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi tại ngoại thì sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nếu họ bỏ trốn hoặc có hành vi cản trở việc xét xử hoặc nếu tiếp tục tạm giam họ thì trong trường hợp này giam mà không có lệnh, không đúng quy định.

Pháp luật chưa có quy định chặt chẽ về thẩm quyền áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử, cụ thể là chỉ có Chánh án hoặc Phó chánh án mới có thẩm quyền áp dụng BPTG, theo sự đề nghị của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, trong khi những người này không trực tiếp nghiên cứu hồ sơ, tạo thêm những thủ tục tố tụng không cần thiết khi giải quyết vụ án. Cũng như chưa quy định rõ về trách nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, người áp dụng, người đề nghị áp dụng BPTG trong trường hợp

khi có vi phạm và áp dụng sai. Khi có sự sai phạm xảy ra thì cơ quan, người nào phải chịu trách nhiệm. Pháp luật chưa có sự quy định và hướng dẫn rõ ràng về trường hợp này.

Pháp luật cũng chưa đề cập đến thời hạn mà VKS chuyển hồ sơ vụ án qua cho Tòa án khi quyết định truy tố bằng bản cáo trạng phải phù hợp với thời hạn tạm giam còn lại với bị can đó và cho một thời hạn nhất định để Tòa án nghiên cứu hồ sơ vụ án và thực hiện quy trình tố tụng tại Tòa án khi thụ lý vụ án hình sự như cán bộ Tòa án tiếp nhận hồ sơ từ VKS chuyển sang; cán bộ đó vào sổ thụ lý và chuyển cho người có thẩm quyền nghiên cứu và phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa; Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa nghiêm cứu hồ sơ; Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa tham mưu, đề nghị áp dụng BPTG trình người có thẩm quyền. Quy trình này cũng cần có một thời hạn nhất định, nhưng do quy trình này chưa được luật hóa nên dẫn đến các vi phạm về áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử ở Tòa án.

Thứ hai, sự giám sát của các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc đối với việc áp dụng BPTG và các BPNC khác còn thấp, kém chi hình thức là thông qua các báo cáo của Tòa án hoặc VKS tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, kỳ họp Quốc hội, coi việc áp dụng BPTG như là một đặc quyền của Tòa án, nên không có sự giám sát một cách chặt chẽ và cần thiết. Vấn đề áp dụng BPTG tại Tòa án cũng được ít quan tâm, nghiên cứu và bàn bạc, chừng nào có xảy ra sai phạm hoặc có khiếu nại, tố cáo thì mới tiến hành giám sát và giải quyết đối với vụ việc đó. Điều này tạo tâm lý chung cho xã hội và người có thẩm quyền trong Tòa án là nghĩ đây là quyền riêng của Tòa án nên dễ dàng bị lạm dụng quyền này, dẫn đến nhiều sai phạm.

Thứ ba, số lượng cán bộ nói chung của Tòa án còn thiếu, đội ngũ Thẩm phán được bổ nhiệm chưa đáp ứng với yêu cầu của công việc trong tình hình mới, số vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án ngày càng tăng, kể về số lượng và tính chất phức tạp, điều này gây áp lực rất lớn đến công tác giải quyết các loại án của Tòa án, ảnh hưởng tới các chất lượng các quyết định mà Tòa án khi áp dụng. Khi công việc

hiều thì khó có thể không có sự sai phạm, điều này cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng vi phạm khi áp dụng BPTG.

Thứ tư, các phương tiện, trang thiết bị phục vụ, chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, quản lý nơi giam giữ chưa được ưu tiên đầy đủ đúng với công việc chuyên môn, điều này cũng làm ảnh hưởng đến năng suất làm việc. Hầu hết các trạm tạm giam, nhà tạm giữ đều trong tình trạng quá tải, cán bộ quản lý trại giam không quán xuyến được hết công việc nên không kịp thời thông báo các trường hợp gần hết lệnh tạm giam và các trường hợp không cần thiết phải tạm giam. Đây cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm khi áp dụng BPTG.

Thứ năm, nền kinh tế hiện nay ở nước ta, các quan hệ dân sự, kinh tế phát triển mạnh mẽ, phức tạp, có nhiều trường hợp khó phân biệt vụ án dân sự, kinh tế với vụ án hình sự. Do quy định của pháp luật không rõ ràng, người có thẩm quyền áp dụng không hiểu rõ các quy định này nên nhiều trường hợp đã hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế. Điều này dẫn tới việc áp dụng tạm giam sai đối tượng. Hậu quả xảy ra rất lớn, có những người chỉ là các đương sự trong vụ án dân sự, kinh tế lại trở thành bị can, bị cáo và bị tạm giam. Đây cũng chính là nguyên nhân góp phần dẫn đến nhiều oan sai trong tố tụng hình sự nói chung và việc áp dụng BPTG nói riêng.

2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Những nguyên nhân chủ quan chủ yếu là về nhận thức và trách nhiệm của những người THTT trong việc áp dụng BPTG thường biểu hiện ở những khía cạnh như sau: Nhận thức của các Cơ quan, những người có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc áp dụng BPTG còn hạn chế, còn tùy tiện áp đặt ý kiến chủ quan của mình vào công việc, chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật. Các Cơ quan THTT, người THTT chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc quy định cũng như áp dụng BPTG dẫn đến áp dụng biện pháp này một cách thiếu căn cứ, trái pháp luật. Năng lực của người THTT còn có những hạn chế nhất định cần khắc phục, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ chưa cao, nặng về trấn áp “có truy tố, có xét xử là có giam, giam thay cho điều tra”. Trình độ chuyên môn của những cán bộ tiến hành hoạt động tố tụng làm công tác thực tiễn chưa đồng đều, có nơi

chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra dẫn đến những vi phạm do kém hiểu biết. Không ít Thẩm phán chưa nắm vững các kiến thức cần thiết như: căn cứ, thẩm quyền, thủ tục tạm giam...nên công tác tham mưu đề xuất còn hạn chế, yếu kém.

Giữa các cơ quan THTT chưa có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, một số trường hợp có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, tâm lý sợ trách nhiệm trong đại đa số cơ quan THTT, cá biệt có nơi còn xảy ra tình trạng đùn đẩy hồ sơ giữa các cơ quan THTT.

Công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực tạm giam ở nhiều địa phương chưa được tiến hành thường xuyên nên chưa phát hiện kịp thời những biểu hiện vi phạm nhằm đưa ra những kiến nghị, kháng nghị và những quyết định cần thiết để khắc phục sai phạm.

2.4.3. Các nguyên nhân khác

Những vi phạm trong việc áp dụng BPTG trong thời gian qua ngoài những nguyên nhân vừa nêu trên còn xuất phát từ những nguyên nhân khác như: thiếu tinh thần hợp tác từ phía gia đình, người thân, tình trạng quá tải trong công việc ở nhiều đơn vị, bộ phận, với khối lượng công việc quá nhiều, sức ép thường xuyên về trách nhiệm và thời hạn tạm giam đã làm cho tinh thần của những người ra quyết định và áp dụng thường xuyên căng thẳng, có thể dẫn đến sai lầm, thậm chí là vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm là lĩnh vực phức tạp, tội phạm sử dụng các hoạt động, phương thức tinh vi nên khó xác định chính xác ngay từ đầu các dấu hiệu phạm tội, chứng cứ để quyết định tạm giam. Dẫn đến tình trạng tạm giam bị can, bị cáo không đúng căn cứ được quy định trong Bộ luật TTHS. Hơn nữa, kinh phí chi cho công tác xây dựng pháp luật và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, trao dồi đạo đức của các chức danh tư pháp trong lĩnh vực tạm giam chưa được đầu tư thích đáng...từ đó dẫn đến năng lực của những người làm công tác bắt, giữ, tạm giam còn hạn chế, ý thức trách nhiệm chưa cao, có trường hợp bị thoái hoá, biến chất về đạo đức.

Kết luận chương 2: Trong chương này Tác giả nêu lên khái quát tình hình áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Thông qua

số liệu báo cáo hàng năm của Tòa án tỉnh Đồng Tháp cho thấy trên 85% số bị can, bị cáo bị áp dụng BPTG trong tổng số bị can, bị cáo mà Tòa án hai cấp trong tỉnh thụ lý giải quyết. Các vụ án mà Tòa án trong tỉnh thụ lý giải quyết sơ thẩm phần lớn là các vụ thuộc án ít nghiêm trọng. Tuy việc áp dụng BPTG trong tỉnh hầu hết là đúng pháp luật, có căn cứ, nhưng với số liệu trên cho thấy tình hình lạm dụng việc tạm giam vẫn còn và là tình hình chung của cả nước. Cũng trong chương này Tác giả cũng nêu và phân tích những vướng mắc trong việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong tỉnh Đồng Tháp như: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa không có thẩm quyền áp dụng BPTG; Việc áp dụng BPTG Tòa án phụ thuộc vào hồ sơ vụ án do VKS truy tố chuyển qua; Trường hợp bị can, bị cáo bị truy tố về tội ít nghiêm trọng có mức hình phạt tù dưới hai năm thì không thể áp dụng BPTG; Việc tạm giam bị cáo trong trường hợp HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng lệnh tạm giam đã hết... Nêu và phân tích những vi phạm trong việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Đồng Tháp, các vi phạm chủ yếu là về đối tượng, căn cứ, thủ tục, thời hạn khi áp dụng. Từ những vướng mắc và vi phạm đã phân tích Tác giả đã tìm ra được những nguyên nhân gây ra, các nguyên nhân này có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Khi tìm ra được các nguyên nhân, thì chúng sẽ làm nền tảng cơ sở cho những giải pháp trong Chương 3 của Luận văn.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM

3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

Cùng với chủ trương đổi mới kinh tế xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thực hiện công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN tại nước ta, yêu cầu khách quan đặt ra là phải đổi mới bộ máy Nhà nước, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước cho phù hợp. Đề cao việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế. Kết hợp đồng bộ đổi mới quan điểm lập pháp với cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Trong đó, cải cách tư pháp giữ vai trò vị trí đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ cơ quan tư pháp là Tòa án và các cơ quan hỗ trợ cho hoạt động tư pháp là công cụ quan trọng để Đảng và Nhà nước thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm dân chủ và pháp chế XHCN.

Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối về cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, thể hiện qua nhiều Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Tiếp tục phát huy và thực hiện những chủ trương, đường lối mà Nghị quyết số 08 của Bộ chính trị đã đề ra, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” được Bộ chính trị thông qua, trong Nghị quyết này nhiều chủ trương, đường lối, chính sách về cải cách tư pháp đã được nêu lên làm tiền đề cho công cuộc cải cách tư pháp trong thời gian tới. Đây là những văn bản đặc biệt quan trọng, định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật TTHS ở Việt Nam. Ta có thể hiểu rằng, cải cách tư pháp là một đòi hỏi tự thân của nền công lý và dân chủ, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, đây là một yêu cầu cấp thiết.

Như chúng ta đã biết, cơ quan tư pháp ở Việt Nam là Tòa án và còn có các cơ quan hỗ trợ cho hoạt động tư pháp như VKS, CQĐT, Cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an nhân dân. Cải cách tư pháp là cải cách tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan trên. Trên cơ sở đánh giá thực trạng thời gian vừa qua và định hướng cho thời gian sắp tới. Nghị quyết 49 đã nêu: “Công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự, chế định pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu. Cùng với những mặt hạn chế nêu trên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp, với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Các khiếu kiện hành chính, các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động, các loại khiếu kiện và tranh chấp có yếu tố nước ngoài có chiều hướng tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm”[3]

Từ những nhận xét đã nêu ra, Nghị quyết 49 đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể về cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, đáp ứng yêu cầu sau: “Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc

phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.

Quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác.

Xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, các tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng; bảo vệ người trung thực phát hiện, tố cáo, người điều tra truy tố, xét xử hành vi tham nhũng; khen thưởng người có công trong đấu tranh phòng chống tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc ngăn ngừa, kiểm soát các hành vi tham nhũng.

Hoàn thiện pháp luật dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch, thúc đẩy các quan hệ dân sự phát triển lành mạnh; hoàn thiện chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn...

Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp tạm giam”[3]

Chế định tạm giam là BPNC nghiêm khắc nhất vì khi áp dụng quyền con người dễ bị xâm phạm, tổn thương và hậu quả để lại có thể rất nghiêm trọng vì nó ảnh hưởng đến quyền tự do thân thể, đi lại là quyền nhân thân cơ bản của công dân. Bảo vệ quyền con người luôn gắn liền với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền của nước ta hiện nay. Do đó, hơn ở đâu hết, bảo vệ quyền con người trong việc áp dụng BPTG có ý nghĩa vô cùng quan trọng: bảo đảm dân chủ, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm pháp chế, không để cho những thế lực thù địch

phản động lợi dụng xuyên tạc dưới chiêu bài “Nhân quyền” để phá hoại sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Do vậy, việc hoàn thiện chế định tạm giam theo tư tưởng cải cách tư pháp phù hợp trong giai đoạn phát triển hiện nay là một đòi hỏi tất yếu, phải bám sát những quan điểm cơ bản về xây dựng pháp luật TTHS Việt Nam như: Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; xây dựng, hoàn thiện pháp luật về đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật với thời kỳ hội nhập quốc tế.

3.1.2. Yêu cầu đảm bảo quyền con người

Quyền con người là một giá trị nhân loại, đồng thời có tính lịch sử hình thành trong cuộc đấu tranh giai cấp và được bổ sung mới qua các thời đại khác nhau. Theo Từ điển tiếng Việt 1992 thì quyền là “điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi”. Quyền con người gắn chặt với hoạt động xã hội, các mối quan hệ xã hội và các phương thức sống của cá nhân. Quyền con người là biểu hiện của tiêu chí tác động qua lại, củng cố các mối quan hệ, phối hợp hành động và hoạt động giữa con người và con người, ngăn ngừa các mâu thuẫn đối đầu và xung đột giữa họ trên cơ sở kết hợp tự do cá nhân với tự do của người khác, với hoạt động bình thường của Nhà nước và xã hội. Những quyền như quyền được sống, quyền tự do danh dự, nhân phẩm, được bất khả xâm phạm về thân thể, được tự do ngôn luận, tự do chính kiến, tự do tính ngưỡng, được tham gia vào các quá trình chính trị là những điều kiện cần thiết để con người tổ chức đời sống trong xã hội văn minh và cần phải được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ một cách vô điều kiện.[14]

Con người là tổng hòa các mối quan hệ do vậy phần lớn người phạm tội chỉ có thể bị tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền chứ không phải là tất cả. Người bị tạm giam về bản chất họ vẫn là con người với các mối quan hệ xã hội, với môi trường xung quanh. Họ có người thân và cũng có những nhu cầu sinh hoạt như người khác, có những bản năng vốn có của một con người, do vậy trước hết họ phải đối xử như

giữa con người với con người, đây là biểu hiện rõ nét nhất của sự phát triển loài người. Người bị tạm giam trước hết họ phải được coi là người bình thường mà không phải là tội phạm vì chưa có bản án có hiệu lực của Tòa án, họ là những người đang trong giai đoạn tố tụng với sự nghi ngờ của các Cơ quan THTT. BPTG đối với họ chỉ nhằm mục đích đảm bảo cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hiệu quả hơn chứ không nhằm mục đích giáo dục hay trừng trị như đối với người phạm tội. Do vậy, pháp luật cũng chỉ hạn chế đối với họ một số quyền như quyền ứng cử, quyền tự do đi lại, tự do tiếp xúc,... còn các nhu cầu cơ bản của họ vẫn phải đảm bảo cho họ. Tòa án và VKS là các cơ quan bảo vệ pháp chế, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tập thể và tính mạng, danh dự, nhân phẩm,... của con người. “Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của Nhân dân, bảo vệ công bằng, dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đồng thời là công cụ sắc bén bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm”[3]

Tạm giam là BPNC nhằm hạn chế một số quyền của công dân, quyền con người của người bị tạm giam. Mục đích của các biện pháp này là để đảm bảo cho các Cơ quan THTT thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo trật tự pháp luật và pháp chế. Các BPNC nói chung và BPTG nói riêng cũng nhằm bảo vệ các quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng khi áp dụng chúng cũng rất dễ tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Bởi vì, nó có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền giao tiếp... của người bị tạm giam. Nắm vững nội dung, thẩm quyền, thủ tục tạm giam sẽ bảo đảm cho các Cơ quan THTT, người THTT áp dụng đúng pháp luật, tránh vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền công dân khi thực thi công vụ.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.” Khoản 1, 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 cũng có quy định: “1. Mọi

người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”. Khoản 2, 4, 5 Điều 31 Hiến pháp 2013 cũng nhấn mạnh: “2. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai. 4. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. 5. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật”.

Những quy định trên của Hiến pháp nhằm ngăn ngừa sự vi phạm quyền con người, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của công dân từ phía các cơ quan, cán bộ Nhà nước. Các quy định trên cũng là cơ sở để xây dựng Bộ luật TTHS trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong thực tiễn. Theo quy định tại Điều 8 của Bộ luật TTHS năm 2015 “Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Khi THTT, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết” và tại Điều 10 Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định “Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức

cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người”. Theo Nghị quyết số: 110/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về việc thi hành Bộ TTHS năm 2015 có quy định “Đối với những bị can, bị cáo đang bị tạm giam theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2016 không được tạm giam theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 hoặc thời hạn tạm giam vượt quá thời hạn theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 thì VKS, Tòa án quyết định hủy bỏ BPTG đang áp dụng hoặc thay thế bằng BPNC khác theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015”. Từ những quy định trên cho ta thấy vấn đề bảo vệ và tôn trọng quyền con người luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, được ghi nhận và quy định từ Hiến pháp cho tới các luật chuyên ngành, điều này phù hợp với xu thế chung của thế giới hiện đại và có tầm quan trọng trong chiến lược phát triển nước nhà.

Những năm gần đây việc tạm giam là vấn đề thu hút sự chú ý của nhiều cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và đông đảo quần chúng nhân dân. Việc giam người tùy tiện, giam oan người không có tội, tạm giam người không có lệnh, vượt quá thời hạn giam... đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tạm giam oan sai tuy chưa phải là hiện tượng phổ biến nhưng đã xảy ra ở nhiều địa phương, gây nên sự bất bình trong dư luận xã hội, có trường hợp gây ra hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục. Tạm giam áp dụng cho người đã bị khởi tố về hình sự hoặc người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử hoặc đã bị tuyên án chờ ngày thi hành án để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Người chưa bị khởi tố với tư cách là bị can hoặc người không bị Tòa án đưa ra xét xử không thể bị tạm giam. Tạm giam không phải là biện pháp duy nhất để ngăn chặn, vì vậy không phải mọi bị can, bị cáo đều bị áp dụng BPTG. Chỉ được tạm giam khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật. Khi có những điều kiện, dấu hiệu cho thấy người phạm tội không có ý trốn tránh pháp luật, không gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì không nên, thậm chí là không được tạm giam mà có thể áp dụng các BPNC khác.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo bị tạm giam sai, Bộ luật TTHS 2015 cũng quy định nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt

hại của người bị áp dụng sai. Tại Điều 31 quy định “Bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. 1. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra. 2. Người khác bị thiệt hại do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra có quyền được Nhà nước bồi thường thiệt hại”. Cụ thể hóa quy định này thì trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có quy định tại Điều 26 “Phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động TTHS. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây: 1. Người bị tạm giữ mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS huỷ bỏ quyết định tạm giữ vì người đó không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; 2. Người bị tạm giam, người đã chấp hành xong hoặc đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, người đã bị kết án tử hình, người đã thi hành án tử hình mà có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội”.

Ngoài các quy định trong hệ thống pháp luật trong nước, thì chúng ta còn ký kết hoặc gia nhập là thành viên của hầu hết các Điều ước quốc tế về ghi nhận, bảo đảm quyền con người, đây thể hiện một nhận thức của thế giới hiện đại và là cơ sở, tiền đề cho các chính sách, pháp luật của chúng ta về bảo vệ quyền con người, khi chúng ta gia nhập thì chúng ta phải có ý thức, trách nhiệm thực hiện và tôn trọng các Điều ước quốc tế mà chúng ta ký kết và gia nhập. Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948, tại Điều 3 ghi nhận “Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân” và Điều 9 cũng ghi nhận “Không một ai bị bắt bớ, cầm tù hay lưu đày một cách độc đoán”. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị 1966 (Việt Nam gia nhập 24/9/1982), quy định tại Điều 9 “1. Mọi người đều có quyền hưởng tự do và an toàn cá nhân. Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ. Không ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp việc tước quyền đó là có lý do và

theo đúng những thủ tục mà luật pháp đã quy định; 2. Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo vào lúc bị bắt về những lý do họ bị bắt và phải được thông báo không chậm trễ về sự buộc tội đối với họ; 3. Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ vì một tội hình sự phải được sớm đưa ra Tòa án hoặc một cơ quan tài phán có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và phải được xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc được trả tự do. Việc tạm giam một người trong thời gian chờ xét xử không được đưa thành nguyên tắc chung, nhưng việc trả tự do cho họ có thể kèm theo những điều kiện để bảo đảm họ sẽ có mặt tại Tòa án để xét xử vào bất cứ khi nào và để thi hành án nếu bị kết tội; 4. Bất cứ người nào do bị bắt hoặc giam giữ mà bị tước tự do đều có quyền yêu cầu được xét xử trước Tòa án, nhằm mục đích để Tòa án đó có thể quyết định không chậm trễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và ra lệnh trả lại tự do cho họ, nếu việc giam giữ là bất hợp pháp; 5. Bất cứ người nào trở thành nạn nhân của việc bị bắt hoặc bị giam giữ bất hợp pháp đều có quyền được yêu cầu bồi thường”.

Tóm lại, bảo đảm quyền con người là vấn đề rất quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm, bảo vệ. Bằng nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Hiến pháp, BLHS, Bộ luật TTHS, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và việc ký kết, gia nhập, thực hiện các Điều ước quốc tế... Nhà nước đã chính thức ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đó như những chế định quan trọng và là mục tiêu cuối cùng của chế độ ta. Bộ luật TTHS của nước ta đã ghi nhận, bảo vệ quyền con người, quyền công dân qua nhiều chế định khác nhau. Quyền con người, một khi đã được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận sẽ trở thành ý thức chung của toàn xã hội, được xã hội tuân thủ và được pháp luật bảo vệ.

3.1.3. Yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của tổ tụng hình sự

Mỗi ngành luật bên cạnh những nhiệm vụ chung thì còn có những nhiệm vụ riêng của mình. Nhiệm vụ của TTHS hay Bộ luật TTHS là “Bộ luật TTHS có nhiệm vụ bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế

độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.”[23] Với những nhiệm vụ đã đề được đề ra, thì mọi hoạt động trong TTHS phải đáp ứng và thực hiện các nhiệm vụ này. Hoạt động TTHS là trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự, là nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền THPT, là nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền THPT, cũng như là quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân và là hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Vậy việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng là một trong những hoạt động TTHS và cần phải đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trên. Khi phân tích các nhiệm vụ của TTHS thì có hai nhiệm vụ cơ bản:

Nhiệm vụ thứ nhất là bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Để thực hiện nhiệm vụ này pháp luật TTHS đã quy định cho phép các cơ quan THPT nói chung và Tòa án nói riêng có thẩm quyền áp dụng các BPNC trong đó có áp dụng BPTG. Vì vậy khi Tòa án áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng phải thực hiện nhiệm vụ này. BPTG là một trong những BPNC mà Tòa án có thẩm quyền áp dụng với mục đích là ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho hoạt động xét xử và thi hành án. Đảm bảo cho Tòa án hoàn thành nhiệm vụ xét xử của mình. Mặc dù, việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án sẽ ảnh hưởng tới một số quyền và tự do của bị can, bị cáo, nhưng lại bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều người khác. Ngoài ra việc áp dụng biện pháp này còn loại bỏ những hành vi cản trở việc xét xử từ phía bị can, bị cáo, đảm bảo cho việc xét xử của Tòa án được nhanh chóng, chính xác. Vì vậy việc đảm bảo việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là việc rất cần thiết để thực hiện nhiệm vụ mà TTHS đề ra nêu trên.

Nhiệm vụ thứ hai là góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật,

đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Khi việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm được đảm bảo thì góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ xét xử của Tòa án, khi Tòa án hoàn thành nhiệm vụ của mình, đưa ra các phán quyết chính xác thì đã góp phần thực hiện nhiệm vụ mà TTHS đã đề ra này.

Vì vậy việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật TTHS về BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính thời sự ở nước ta, đáp ứng nhu cầu về cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người và thực hiện các nhiệm vụ của TTHS đề ra trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng việc áp dụng biện pháp tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Bộ luật TTHS 2015 ra đời đánh dấu bước phát triển mới về kỹ thuật lập pháp nói chung đồng thời dần hoàn thiện các quy định về chế định tạm giam nói riêng. Tuy nhiên, việc áp dụng BPNC này trên thực tế hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc mà nguyên nhân chủ yếu là do các quy định của pháp luật tố tụng về BPNC nói chung và BPTG nói riêng còn có những hạn chế nhất định. Tạm giam là BPNC nghiêm khắc nhất được áp dụng với bị can, bị cáo khi có căn cứ theo quy định của Bộ luật TTHS. Là BPNC hạn chế quyền tự do cá nhân nên việc áp dụng biện pháp này phải được quy định một cách chặt chẽ, cụ thể và đầy đủ trong Bộ luật TTHS như về khái niệm, căn cứ, đối tượng, thủ tục, thời hạn áp dụng cũng như thẩm quyền quyết định áp dụng. Khi xây dựng được một cơ chế vững chắc các quy định về BPTG thì song song với chúng là chúng ta cũng cần phải có những giải pháp nhằm đảm bảo các cơ chế đó được thực thi một cách có hiệu quả nhất vào thực tế, để đáp ứng được mục đích và yêu cầu mà chúng ta đặt ra.

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Một trong những mục tiêu của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS về BPTG là khắc phục những thiếu sót, hạn chế, bất cập của Bộ luật TTHS hiện hành về BPNC nói chung và BPTG nói riêng. Nghiên cứu các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 thì ta thấy vẫn còn một số bất cập cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện những bất cập đó là:

Thứ nhất, về khái niệm BPTG chưa được ghi nhận trong Bộ luật TTHS năm 2015, điều này gây ra những nhận thức khác nhau về biện pháp này đối với những người có thẩm quyền áp dụng và những người bị áp dụng. Vì thế chúng ta cần ghi nhận khái niệm về BPTG trong pháp luật, từ khái niệm này chúng ta mới có định hướng đúng đắn và xây dựng các chế định tiếp theo liên quan đến BPTG. Khi nắm rõ khái niệm như thế nào là BPTG thì chúng ta mới nhận thức đúng về biện pháp này. Theo tác giả nên ghi nhận khái niệm BPTG trong văn bản pháp luật như sau: Tạm giam là một trong những BPNC trong TTHS do CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị kết án trong những trường hợp do luật định nhằm ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc có hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Thứ hai, về đối tượng bị áp dụng BPTG. Nên ghi nhận thêm những trường hợp có thể bị áp dụng BPTG, vì trong thực tế các đối tượng này không bị tạm giam đã gây ra rất nhiều khó khăn trong công tác giải quyết vụ án. Các đối tượng cần thêm vào bao gồm: Một là theo quy định của pháp luật TTHS thì người bị kết án cũng là đối tượng có thể áp dụng BPTG. Người bị kết án là người bị Tòa án tuyên có tội bằng bản án. Do vậy, pháp luật TTHS cần có quy định bổ sung đối tượng này vào đối tượng có thể áp dụng BPTG cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật. Hai là cần sửa đổi và bổ sung thêm quy định về việc áp dụng BPTG đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù dưới 02 năm khi có căn cứ cụ thể. Tác giả đề nghị bổ sung thêm các đối tượng này có thể bị tạm giam trong các trường hợp sau: bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; không có lai lịch rõ ràng; được áp dụng BPNC khác nhưng vi phạm hoặc tiếp tục phạm tội hoặc cố ý cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử.

Về việc hạn chế việc tạm giam đối với một số loại tội phạm và một số đối tượng phạm tội theo yêu cầu cải cách tư pháp là cần thiết, để thực hiện chủ trương và chính sách hình sự là mở rộng áp dụng hình phạt tiền và cải tạo không giam giữ, giảm hình phạt tù thì chúng ta có thể hạn chế áp dụng BPTG theo hướng sau: Không tạm giam đối với một số loại tội phạm ít nguy hiểm như tội phạm do vô ý và thuộc loại tội ít nghiêm trọng, loại tội mà BLHS quy định hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc

quy định vừa hình phạt tù vừa có hình phạt khác (phạt tiền, cải tạo không giam giữ). Không tạm giam đối với bị can, bị cáo khi có căn cứ (tính chất hành vi phạm tội và nhân thân, thái độ bị can, bị cáo sau khi phạm tội) cho rằng, nếu ở ngoài xã hội họ sẽ không bỏ trốn, không gây cản trở cho các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án hoặc không thể tiếp tục phạm tội (các đối tượng có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức và phạm các tội xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế, tham ô, cố ý làm trái pháp luật nhưng trong trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo), người bị tạm giam là lao động chính duy nhất trong gia đình, họ là người bị tàn tật hoặc có người thân là người tàn tật không có người chăm sóc.

Thứ ba, về căn cứ áp dụng BPTG.

Vấn đề thứ nhất, về căn cứ áp dụng BPTG đối với người bị buộc tội từ 16 đến dưới 18 tuổi phải quy định khác với căn cứ áp dụng cho người đủ 18 tuổi trở lên, làm sao cho đối tượng người bị buộc tội từ 16 đến dưới 18 tuổi được bảo vệ và hưởng được chính sách của Đảng và Nhà nước riêng đối với đối tượng này, theo tác giả là nên quy định rõ thêm căn cứ là phải áp dụng các BPNC khác trước, khi họ vi phạm nghĩa vụ của các BPNC này và cộng thêm các căn cứ khác thì mới được áp dụng BPTG đối với người bị buộc tội từ 16 đến dưới 18 tuổi.

Vấn đề thứ hai, chúng ta không sử dụng kết quả phân loại tội phạm như cơ sở độc lập để xây dựng căn cứ áp dụng BPTG, mà cần phải kết hợp xem xét các căn cứ khác như bị can, bị cáo có hành vi cản trở, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hoặc có thể tiếp tục phạm tội là căn cứ chủ yếu để xem xét, quyết định BPTG. Vì vậy, về căn cứ áp dụng BPTG theo hướng là kết hợp giữa việc căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội theo loại tội phạm mà BLHS quy định và căn cứ vào các yếu tố khác về nhân thân của người phạm tội, chính sách hình sự và yêu cầu khám phá, giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời.

Vấn đề thứ ba, bổ sung thêm một trong những căn cứ tạm giam là khi áp dụng các BPNC khác không hạn chế quyền tự do nhưng không mang lại kết quả, nhằm khuyến khích các cơ quan THTT áp dụng các biện pháp này; tạm giam cần được áp dụng như là biện pháp bắt buộc dĩ cuối cùng trong TTHS.

Vấn đề thứ tư, là trong hồ sơ vụ án thì VKS và CQĐT cần phải thu thập các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho căn cứ áp dụng BPTG của mình, nếu trong hồ sơ không thể hiện đầy đủ các tài liệu này thì Tòa án có quyền yêu cầu VKS hoặc CQĐT bổ sung tài liệu chứng cứ này hoặc yêu cầu các cơ quan này có văn bản trả lời giải thích rõ vì sao áp dụng BPTG. Khi ban hành các mẫu biểu về áp dụng BPTG cho thống nhất thì trong các mẫu này Tòa án nhân dân tối cao cần quy định có mục nêu ra những căn cứ cụ thể mà Cơ quan THTH có thẩm quyền khi áp dụng BPTG.

Thứ tư, về thủ tục áp dụng BPTG, pháp luật chưa đề cập thời hạn thực hiện quy trình tố tụng tại Tòa án, khi thụ lý vụ án hình sự như cán bộ Tòa án tiếp nhận hồ sơ từ VKS chuyển sang; cán bộ đó vào sổ thụ lý và chuyển cho người có thẩm quyền nghiên cứu và phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa; Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa nghiên cứu hồ sơ; Thẩm phán được phân công là Chủ tọa phiên tòa tham mưu, đề nghị áp dụng BPTG đến người có thẩm quyền. Quy trình này cũng cần có một thời hạn nhất định, nhưng do quy trình này chưa được luật hóa nên dẫn đến các vi phạm về áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử ở Tòa án. Vì vậy cần luật hóa vấn đề này theo hướng như sau: Trong hồ sơ vụ án mà VKS chuyển qua cho Tòa án để truy tố bị can phạm tội và đề nghị Tòa án xét xử thì phải có danh sách tóm tắt lại những BPNC đã được áp dụng đối với bị can này từ khi điều tra cho đến truy tố, danh sách này phải gửi kèm theo hồ sơ vụ án. Khi VKS gửi hồ sơ vụ án cho Tòa án phải gửi ít nhất trước thời hạn hết lệnh tạm giam là 06 ngày làm việc (trong trường hợp vụ án có bị can bị tạm giam) để cho Tòa án có thời gian thực hiện các quy trình tố tụng và nghiên cứu hồ sơ vụ án để áp dụng BPTG cho thật chính xác.

Quy định thời hạn trình tự thủ tục tố tụng tại Tòa án từ khi nhận được hồ sơ vụ án từ VKS như sau: Cán bộ Tòa án tiếp nhận hồ sơ từ VKS chuyển sang nếu đầy đủ thủ tục thì vào sổ thụ lý ngay và chuyển cho Chánh án nghiên cứu và phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa. Trong thời hạn 03 ngày làm việc Chánh án phải phân công Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và chuyển hồ sơ cho Thẩm phán đó nghiên cứu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu hồ sơ tham mưu, đề nghị về việc áp dụng BPTG trình người có

thẩm quyền ký và phát hành. Nếu áp dụng BPTG thì phải gửi ngay các quyết định này cho bị cáo, VKS và cơ quan thi hành, việc này phải lập biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án.

Thứ năm, về thẩm quyền áp dụng BPTG, theo tác giả nên giao cho người trực tiếp THPT là Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPTG, việc này không chỉ vừa có giá trị thực tế mà còn tăng tính trách nhiệm của họ trong hoạt động tố tụng. Đồng thời, cũng không trái với tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW là "tăng quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình". Vì vậy, việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử nói chung thì pháp luật nên quy định là giao cho Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và HĐXX, vì trên thực tế đội ngũ Thẩm phán ở nước ta hiện nay đã từng bước được củng cố về chất lượng và khi giao nhiệm vụ này cho họ thì sẽ nêu cao được tinh thần trách nhiệm cá nhân lên. Trong quy định pháp luật cũng nên quy định rõ về trách nhiệm, bồi thường thiệt hại, hậu quả pháp lý nếu như việc áp dụng này là cố tình làm sai.

Pháp luật cũng cần ghi nhận thêm trường hợp HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung tại phiên tòa theo hướng sau: Khi quyết định trả hồ sơ vụ án cho VKS để điều tra bổ sung tại phiên tòa thì HĐXX có quyền áp dụng BPTG đối với bị cáo đó, nếu có đầy đủ căn cứ, thời hạn tạm giam là cho tới khi VKS nhận được hồ sơ vụ án.

3.2.2. Các giải pháp khác

Bên cạnh hoàn thiện các quy định của pháp luật thì chúng ta cần phải có những giải pháp nhằm đảm bảo cho việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm được đạt hiệu quả cao nhất, làm cho các quy định này đi vào thực tiễn.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của BPTG đối với các Cơ quan THPT, người THPT trong đó có đội ngũ Thẩm phán. Song song với việc sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật cho phù hợp thì công tác nâng cao năng lực, trình độ của những người THPT cũng góp phần khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng BPTG trong thực tiễn. Hiện nay, lực lượng nhân sự trong Tòa án từng bước

được cải thiện, nhưng nhiều nơi vẫn còn tình trạng vừa thiếu số lượng vừa hạn chế về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị nhất là ở những vùng sâu, vùng xa nên không đảm bảo việc tạm giam đúng pháp luật, không đáp ứng được công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Cần phải chấp hành nghiêm túc các tiêu chuẩn đối với chức danh Thẩm phán và những chức danh tổ tụng khác. Tòa án nhân dân tối cao cần thường xuyên mở các lớp tập huấn về các chuyên đề về nghiệp vụ, trao dồi kinh nghiệm trong việc áp dụng BPTG khi giải quyết vụ án hình sự nhằm nâng cao chất lượng về chuyên môn cũng như nghiệp vụ. Đối với mỗi cán bộ trong ngành Tòa án phải thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức pháp luật về tạm giam, hiểu rõ tính chất, mục đích của việc áp dụng BPTG, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giam. Xây dựng đội ngũ Thẩm phán, Thư ký Tòa án,...có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, phụ công thủ pháp, chí công vô tư, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đảm bảo cho bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan dân cử có thẩm quyền nói chung và cũng như của Viện kiểm sát trong việc thực hiện quyền kiểm sát hoạt động tố tụng đối với việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử của Tòa án. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ cơ bản của ngành kiểm sát trong việc đảm bảo quyền dân chủ của công dân. Đảm bảo việc tạm giam phải có lệnh của người có thẩm quyền, đảm bảo đúng đối tượng, đúng căn cứ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Đồng thời, VKS phải tăng cường công tác kiểm sát trực tiếp tại các trại tạm giam, chủ động kịp thời phát hiện các sai phạm trong quá trình tạm giam, uốn nắn kịp thời và khắc phục những sai phạm đó, trả tự do cho người bị tạm giam oan hoặc tạm giam không đúng quy định pháp luật. Nếu phát hiện có Cơ quan THTT nào vi phạm các quy định về tạm giam xảy ra thì phải có phương án xử lý ngay và triệt để. Ngoài ra, về hình thức kiểm sát, ngoài phương thức kiểm tra đột xuất khi cần thì phải chú trọng kiểm tra định kỳ, theo những chuyên đề cụ thể thiết thực. Để phục vụ việc theo dõi cần phải có hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, báo cáo cụ thể, phù hợp để phản ánh tình hình áp dụng, huỷ bỏ hoặc thay đổi BPTG.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng đặc biệt là giữa Toà án với VKS và CQĐT khi tiến hành các hoạt động TTHS. Sự phối hợp này không phải là nhằm để thực hiện chức năng buộc tội chung của các Cơ quan THTT. Vì Toà án là cơ quan tư pháp, thực hiện quyền xét xử, Toà án phải xét xử một cách công bằng, khách quan, bình đẳng giữa cơ quan có chức năng buộc tội và người bị buộc tội. Sự phối hợp này là nhằm để kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động áp dụng BPTG trong thời gian đã qua và xu hướng tới, tạo thế chủ động cho các Cơ quan THTT nói chung và Toà án nói riêng khi áp dụng BPTG sẽ thuận tiện và đúng theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo những quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng BPTG.

Các phương tiện, trang thiết bị phục vụ, chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, quản lý nơi giam giữ phải được ưu tiên đảm bảo đầy đủ, đúng với công việc chuyên môn, điều này dẫn đến năng suất làm việc cao, không có tư tưởng thoái hóa, biến chất về đạo đức. Bồi dưỡng kiến thức cơ bản về pháp luật TTHS cho Hội thẩm nhân dân để có cơ sở và kiến thức và điều kiện thẩm vấn người tham gia tố tụng nhằm ra những phán quyết đúng nhất, cùng với Tòa án hoàn thành nhiệm vụ, chức năng của mình.

Kết luận chương 3: Trong chương này Tác giả đã phân tích các nhu cầu của việc nâng cao chất lượng việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, việc nâng cao chất lượng áp dụng này xuất phát từ ba nhu cầu sau: Thứ nhất là nhu cầu đáp ứng công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang hướng tới; Thứ hai là nhu cầu đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; Nhu cầu thứ ba là việc thực hiện nhiệm vụ của tố tụng hình sự. Từ phân tích các vướng mắc, vi phạm và tìm ra được nguyên nhân gây ra, cũng như phân tích nhu cầu nâng cao chất lượng của việc áp dụng BPTG trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tác giả đã đề ra được các giải pháp như sau: Thứ nhất là giải pháp hoàn thiện pháp luật, như là: Pháp luật nên ghi nhận khái niệm thế nào là BPTG trong Bộ luật TTHS; Đối tượng nào pháp luật cần nên ghi nhận thêm có thể bị áp dụng BPTG, đối tượng nào, loại tội nào mà cần phải hạn chế việc áp dụng BPTG; Căn cứ áp dụng BPTG đối với người bị buộc tội từ 16 đến dưới 18 tuổi phải có sự khác biệt với

người đủ 18 tuổi; Không nên sử dụng kết quả phân loại tội phạm như là cơ sở độc lập để xây dựng căn cứ duy nhất áp dụng BPTG; Bổ sung thêm căn cứ là khi áp dụng các BPNC khác trước nếu có vi phạm biện pháp này mới áp dụng BPTG; Trong hồ sơ vụ án VKS và CQĐT phải thu thập các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc áp dụng BPTG của mình là đúng pháp luật; Thẩm quyền áp dụng BPTG trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên giao cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Thứ hai là các giải pháp khác bao gồm: Nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức pháp luật của các Cơ quan THTT, người THTT và người dân; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc áp dụng BPTG tại Tòa án của các cơ quan dân cư; Tăng cường phối hợp giữa các Cơ quan THTT trong việc áp dụng BPTG; Tăng cường trang thiết bị, nhân lực trong công tác thực hiện tạm giam trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Qua nghiêm cứu lý luận và thực tiễn áp dụng cho chúng ta thấy, trong các BPNC được quy định trong pháp luật TTHS, tạm giam là biện pháp có tính nghiêm khắc nhất và nó cũng thường được áp dụng nhất, biện pháp này ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, nhưng biện pháp này cũng có một tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải quyết vụ án hình sự và trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Vì vậy việc tìm hiểu đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về BPTG là điều tất yếu và rất cần thiết, nó sẽ giúp cho Cơ quan THTT và người THTT nói chung, trong đó có Tòa án khi tiến hành chức năng, nhiệm vụ của mình trong TTHS đúng quy định pháp luật, giúp cho việc giải quyết vụ án hình sự được nhanh chóng, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm. Từ khi Bộ luật TTHS đầu tiên ra đời (Bộ luật TTHS năm 1988) cho tới nay với hai lần được thay thế bằng Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015, BPTG đã từng bước được hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của xã hội hiện đại.

BPTG là biện pháp thường được áp dụng trong đấu tranh chống tội phạm. Mục đích là để ngăn chặn hành vi phạm tội và việc lẩn trốn pháp luật của bị can, bị cáo, phục vụ và đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Đối tượng áp dụng BPTG là người đã bị khởi tố về hình sự; người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử hoặc đã bị tuyên án chờ ngày thi hành án. Như vậy, đối tượng áp dụng BPTG chỉ có thể là bị can, bị cáo hoặc người đã bị kết án. Tạm giam không phải là biện pháp duy nhất để ngăn chặn, vì vậy không phải mọi bị can, bị cáo, người đã bị kết án đều bị áp dụng BPTG. Khi áp dụng BPTG phải căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội và thái độ của họ khi và sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ được tạm giam khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật. Theo quy định pháp luật TTHS, tạm giam là BPNC do CQĐT, VKS hoặc Tòa án có thể áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ trong từng trường hợp và từng giai đoạn cụ thể, đối với trường hợp của CQĐT áp dụng thì cần phải có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành. Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPTG tại Tòa án không cần sự phê chuẩn của VKS, việc áp dụng này trong giai đoạn xét xử

nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng trên thực tế cơ bản đã đạt được mục đích của các BPNC nói chung và BPTG nói riêng này, nhưng bên cạnh đó việc vận dụng BPTG này thực tế trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án vẫn còn nhiều bất cập và vướng mắc khó khăn cần phải tháo gỡ. Vì vậy, tác giả mong rằng, công trình nghiên cứu này sẽ là nguồn tài liệu hữu ích phục vụ cho công tác nghiên cứu các vấn đề có liên quan, đồng thời sẽ là tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn tại các cơ quan THTT trong thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính Trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính Trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*;
2. Bộ Chính Trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*;
3. Bộ Chính Trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính Trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*;
4. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội;
5. Nguyễn Mai Bộ (1992), *Giam hay tạm giam*, tập soạn Tòa án nhân dân;
6. Nguyễn Mai Bộ (1997), *Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1979), *Luật tố tụng hình sự*;
8. Cộng hòa liên bang Đức (1877), *Bộ luật tố tụng hình sự của Đức*;
9. Cộng hòa liên bang Nga (2001), *Luật tố tụng hình sự*;
10. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền*;
11. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước quốc tế về những quyền dân sự và chính trị*;
12. Học viện khoa học xã hội (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
13. Học viện khoa học xã hội (2014), *Pháp luật quốc tế về quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
14. Học viện khoa học xã hội (2011), *Quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
15. Học viện khoa học xã hội (2012), *Xã hội học pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
16. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*;

17. Nhật Bản (1948), *Bộ luật tố tụng hình sự*;
18. Nguyễn Trọng Phúc (2015), *Chế định các biện pháp ngăn chặn theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội;
19. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*;
20. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*;
21. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*;
22. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*;
23. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*;
24. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*;
25. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*;
26. Quốc hội (2009), *Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*;
27. Trịnh Văn Thanh (2011), *Áp dụng biện pháp ngăn chặn trong điều tra vụ án hình sự của lực lượng cảnh sát nhân dân*, Luận văn Tiến sĩ hình pháp học;
28. Lê Hữu Thê (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
29. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2016), *Thống kê số vụ án hình sự được thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm tính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/4/2016*;
30. Trần Quang Tiệp (2011), *Về quyền tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
31. Trần Quang Tiệp (2005), *Một số vấn đề lý luận về biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự*, tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 15, tr. 10);
32. Trường Đại học luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
33. Trường Đại học luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
34. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1995), *Tội phạm học, Luật tố tụng hình sự và Luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
35. Viện ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh;